

1. THAM LUẬN “GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH TỰ CHỦ, XÃ HỘI HÓA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI”

Sở Nội vụ thành phố Hà Nội

Trước hết, Sở Nội vụ thành phố Hà Nội thông nhất cao với dự thảo Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Nội vụ. Được tham luận tại Hội nghị, thay mặt Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, tôi xin được trình bày về Giải pháp đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể:

I. Kết quả triển khai đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Kết quả triển khai tự chủ, xã hội hóa giai đoạn 2016-2021

Triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Hà Nội đã thành lập Ban Chỉ đạo của Thành ủy; Tổ chức tuyên truyền; Triển khai đồng bộ các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, đến hết năm 2021, Hà Nội đã sắp xếp giảm 280 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 (tỷ lệ 10,1%); giảm 280 cấp trưởng, 560 cấp phó; giảm 840 người làm việc tại các vị trí việc làm dùng chung và vị trí việc làm chuyên môn cần tinh gọn; giảm 12.890 biên chế viên chức (giảm 3.692 biên chế/năm); chuyển 199 đơn vị sự nghiệp ra tự chủ, tiết kiệm 19.980 biên chế hưởng lương ngân sách, chất lượng dịch vụ của đơn vị sự nghiệp được nâng cao.

Ngoài ra, Hà Nội đã giao 1.060 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trên cơ sở tỷ lệ tự chủ đơn vị theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ; giao chỉ tiêu ký hợp đồng viên chức giáo dục đối với 4.200 chỉ tiêu/7.134 biên chế viên chức còn thiếu (58,9%) theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

Thành phố cũng đã chủ động tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên; cụ thể hóa quyền của các đơn vị về tuyển dụng (theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP), tổ chức bộ máy (theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP), vị trí việc làm (theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP) ngay tại Quyết định phân cấp ngành nội vụ. Việc phân cấp mạnh mẽ giúp giảm rõ rệt về thủ tục hành chính, thời gian giải quyết công việc, có điều kiện tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng kịp thời cho người dân và xã hội. Đồng thời chú trọng kiểm tra, đánh giá hiệu quả sau sắp xếp, đảm bảo triển khai đúng Đề án và tinh thần của Ban Chỉ đạo; bên cạnh kết quả đạt được chỉ ra những công việc cần quan tâm hoặc thực hiện tốt hơn.

2. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022

Hiện nay, tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) hưởng lương từ ngân sách giao Hà Nội năm 2022 là 113.686 biên chế, cơ cấu lĩnh vực cụ thể: Giáo dục đào tạo 97.797 đơn vị (chiếm 86%); giáo dục nghề nghiệp 1.204 (chiếm 1,1%); Y tế 9.686 (chiếm 8,5%); Khác 4.999 (chiếm 4,4%). Biên chế lĩnh vực khác (4.999) chủ yếu thuộc lĩnh vực sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu nên rất khó tự chủ và đã được sắp xếp tinh gọn (văn hóa nghệ thuật truyền thống, bảo trợ xã hội, chăm sóc người có công,...); biên chế viên chức y tế (9.686) chủ yếu thuộc khối trung tâm y tế dự phòng không có nguồn thu (khối bệnh viện đã thực hiện tự chủ gần 90%).

Năm 2022 là năm đầu thực hiện chỉ tiêu giai đoạn 2022-2025 tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp so với năm 2021. Bối cảnh thực hiện khó khăn hơn so với giai đoạn 2016-2021 do: số đơn vị sự nghiệp có khả năng tự chủ đã chuyển hết sang tự chủ, đơn vị còn lại là những đơn vị thiết yếu hoặc đặc thù, tự chủ khó khăn; các đơn vị sự nghiệp yếu kém, quy mô manh mún, trùng chéo đều đã thực hiện sắp xếp tinh gọn; cơ cấu viên chức giáo dục chiếm tỷ lệ cao >86%; đòi hỏi Hà Nội phải có giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, đặc biệt là giải pháp tự chủ, xã hội hóa, nhất là lĩnh vực giáo dục.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở Nội vụ Hà Nội đã phối hợp Sở Tài chính và Sở ngành liên quan tổng rà soát, báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố trình Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế Thành phố về kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2025, tập trung xây dựng Kế hoạch nâng mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025, trong đó:

- Xác định cả giai đoạn 2015-2025 phải chuyển 520 đơn vị tự chủ (phần đầu đạt chỉ tiêu tối thiểu 20% đơn vị tự chủ so với năm 2015)

- Đưa ra nguyên tắc xác định theo tỷ lệ tự chủ năm 2021: đã bảo đảm 80% sẽ tự chủ 2022, 50% sẽ tự chủ 2023, 30% tự chủ 2024 và 10% trở lên tự chủ 2025.

Ngoài ra, xác định số đơn vị sự nghiệp công lập nâng mức tỉ lệ tự chủ chi thường xuyên trong từng năm 2022, 2023, 2024, 2025 để làm cơ sở xác định số biên chế hưởng lương từ nguồn thu đơn vị theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đảm bảo giảm được tối thiểu 3.123 biên chế/năm và phần đầu có thể cân đối số biên chế còn thiếu theo định mức khối giáo dục, y tế.

Để triển khai thực hiện, Sở Nội vụ đã tổng hợp, tham mưu đồng bộ các giải pháp mang tính khả thi:

- a) Tham mưu, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành học phí theo khung mới quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Trong đó, làm rõ nguyên tắc, đối tượng và lộ trình, đảm bảo tương ứng với tỉ lệ nâng mức tự chủ, giảm biên chế hưởng lương ngân sách từng năm.

- b) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Trong đó, làm rõ căn cứ pháp lý, xây dựng quy trình, thủ tục triển khai thực hiện rõ ràng, đúng quy định; từng bước thí điểm cho các đơn vị sự

nghiệp công lập được khai thác cơ sở vật chất khi không sử dụng để tăng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

c) Tham mưu báo cáo UBND Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục đào tạo. Trong đó, báo cáo UBND Thành phố thành lập Tổ công tác liên ngành Thành phố (do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố làm Tổ trưởng) triển khai thực hiện; tập trung làm rõ lộ trình tăng, đảm bảo tính đủ theo giá thị trường.

d) Xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường phổ thông các cấp và mầm non giai đoạn 2021-2025; định hướng thành lập trường mới, thành lập mới các trường công lập ở những nơi đủ điều kiện xã hội hóa, xây dựng trường chất lượng cao; phương án điều chỉnh môn học liên quan đến định mức giáo viên.

đ) Ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, áp dụng công nghệ trong giảng dạy (lớp học thông minh, sử dụng công nghệ để vận hành, quản lý trường lớp,...) nhằm giảm chi phí vận hành, bố trí giáo viên ở những trường ít học sinh dạy đủ tiết ở các trường lân cận, từng bước góp phần giảm biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước.

e) Ngoài ra, đề xuất Ban Chỉ đạo và UBND Thành phố xem xét trách nhiệm đối với những đơn vị không thực hiện tự chủ tài chính theo lộ trình đặt ra, kiên quyết tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

II. Kiến nghị, đề xuất

Công tác thể chế chính sách những năm gần đây đã được thay đổi căn bản, Nghị quyết Trung ương chỉ đạo sâu sát, toàn diện. Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành các Nghị định triển khai tháo gỡ nhiều bất cập; đồng thời trực tiếp ban hành nhiều Thông tư, Văn bản hướng dẫn, trả lời các địa phương rất nhanh chóng, rõ quan điểm và dễ thực hiện.

Quá trình triển khai, Hà Nội còn một số tồn tại cần kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ chủ trì, hoặc phối hợp với các Bộ ngành liên quan xem xét, giải quyết, cụ thể:

1. Về biên chế

Đề nghị giao bổ sung biên chế viên chức theo định mức kịp thời cho lĩnh vực giáo dục (số còn thiếu đến 2021 là 7.134, số còn thiếu dự tính giai đoạn 2022-2025 là 11.700) hoặc điều chỉnh khung định mức biên chế và chương trình học kịp thời. Trường hợp chưa điều chỉnh định mức hoặc chưa giao bổ sung biên chế còn thiếu, đề nghị tạm thời chưa tính giảm biên chế cơ học hàng năm, có thể cộng dồn số phải giảm sang năm sau, đảm bảo cả giai đoạn giảm đủ chỉ tiêu theo quy định. Việc cắt giảm cơ học trong khi cơ chế chính sách chưa điều chỉnh kịp thời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục, phụ huynh và giáo viên không yên tâm, chưa phù hợp với mục tiêu: *tiết giảm biên chế để nâng cao hiệu quả hoạt động*.

Cho phép Hà Nội được sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục của UBND quận, huyện, thị xã để tạm ký Hợp đồng lao động đối với số giáo viên còn thiếu khi

đơn vị không có nguồn thu sự nghiệp hoặc nguồn thu sự nghiệp không đủ chi trả lương và các khoản theo lương cho giáo viên hợp đồng theo mức lương tối thiểu vùng. Hà Nội hiện có 703 trường (chiếm 1/3 tổng số trường công lập từ bậc học mầm non đến THCS) có tỷ lệ tự chủ dưới 10% (được phân loại là đơn vị ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên); 7/30 quận, huyện không có trường công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

2. Về tự chủ tài chính

Xem xét, báo cáo Trung ương cần nhắc chỉ tiêu đến năm 2025 có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ so với năm 2015 do số lượng đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục, y tế chiếm trên 95% tổng số đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương. Đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập, một số đơn vị sự nghiệp đã tự chủ chi thường xuyên đang gặp khó khăn về nguồn chi trả lương, những đơn vị dự kiến tự chủ theo kế hoạch năm 2021, 2022 phải điều chỉnh lùi lại các năm tiếp theo. Trường hợp bắt buộc thực hiện, đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan tham mưu quyết liệt hơn nữa, có giải pháp và hướng đi phù hợp trong việc nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập trong tình hình mới.

Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài sản công, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong quá trình xây dựng và triển khai đề án xã hội hóa liên doanh liên kết, phát triển hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu và nâng mức tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025.

3. Về cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ

Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan tham mưu điều chỉnh quy định bổ nhiệm chức danh cấp trưởng không quá 02 nhiệm kỳ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên trở lên (hiện nay quy định chỉ nêu chung áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp, không phân loại theo mức độ tự chủ). Trên thực tế, để khuyến khích nâng mức tự chủ tài chính, hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ đơn vị sự nghiệp, Hà Nội đã phải khuyến khích chọn người đứng đầu thực tài (bao gồm cả thi tuyển chức danh lãnh đạo), tuy nhiên khi đơn vị sự nghiệp đã xây dựng được thương hiệu, đủ mạnh để phát triển cao hơn nữa thì người đứng đầu vẫn phải điều chuyển theo quy định chung.

Bộ Nội vụ và Bộ Quản lý chuyên ngành nghiên cứu xây dựng khung pháp lý thống nhất để kiểm soát khi phân quyền cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, trước mắt Bộ Quản lý chuyên ngành sớm ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. Hiện nay, mô hình các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên còn một số tính chất đặc thù: (1) Tính chất tự chủ của đơn vị bảo đảm chi thường xuyên mới là tự chủ chi lương và kinh phí thường xuyên, vẫn thuộc đối tượng nhà nước quan tâm đầu tư. (2) Việc giao tự chủ tài chính có thời hạn, nhiều đơn vị đã tự chủ không còn khả năng chi trả lương do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 mà Nhà nước phải cấp bù, hỗ trợ ngân sách. (3) Chưa có cơ sở để UBND

Thành phố ban hành hướng dẫn cụ thể về vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp do Bộ chuyên ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn. (4) Quan điểm về biên chế và quản lý, sử dụng viên chức tại đơn vị tự chủ còn nhiều ý kiến hiểu khác nhau về: chế độ viên chức có sự phân biệt trong cùng 01 đơn vị; vấn đề quản lý viên chức khi chuyển công tác, vấn đề bổ nhiệm, vấn đề tự chủ một thời gian không có khả năng tự chủ, vấn đề trách nhiệm quản lý nhà nước khi tăng cường phân cấp.

Trên đây là nội dung tham luận của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, rất mong nhận được sự quan tâm của Bộ Nội vụ để Hà Nội tiếp tục phát huy kết quả đạt được, thực hiện tốt các nhiệm vụ ngành Nội vụ giao giai đoạn tới./.

2. THAM LUẬN KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIẢM SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Sở Nội vụ TP. Cần Thơ

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “*Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong 7 năm (2015 - 2021) và từng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện. Trong đó, phải xác định tỉ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng viên chức sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp*” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập “*Giai đoạn đến năm 2021: Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015*”. Trên cơ sở đó, thành phố Cần Thơ xác định rõ mục tiêu quan trọng của giai đoạn đến năm 2021 phải giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách so với biên chế giao năm 2015 (cụ thể: hàng năm, các đơn vị phải thực hiện giảm bình quân từ 1,5 - 2% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách theo đúng quy định của Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố).

Qua tổng hợp và đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn đến năm 2021, thành phố Cần Thơ đã đạt và vượt lộ trình theo chủ trương, kế hoạch đề ra sớm hơn so với dự kiến (quy định đến năm 2021 phải giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015, nhưng đối với thành phố Cần Thơ đến năm 2019 là đã đạt lộ trình, nhưng vẫn đảm bảo cân đối số lượng người làm việc để giao bổ sung cho sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục do tăng học sinh, lớp, giường bệnh và thành lập mới), kết quả lũy tích thực hiện lộ trình tinh giản và cắt giảm biên chế của giai đoạn 2015 - 2021 trong đơn vị sự nghiệp, cụ thể như sau: Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đã tinh giản và cắt giảm 3.456/2.313 người, đạt 149,42% kế hoạch của giai đoạn 2015 - 2021 (giảm 14,94% so với biên chế giao năm 2015).

1. Kinh nghiệm trong triển khai thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong giai đoạn qua

Để đạt được kết quả nêu trên, cùng với quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tinh thần chủ động, sáng tạo và sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự đồng tình ủng hộ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; thành phố cũng đã chủ động kịp thời ban

hành các bản bản chỉ đạo, triển khai (Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị, Đề án) các văn bản của Ban chấp hành Trung ương, Chính phủ và Bộ Nội vụ về chính sách tinh giản biên chế và lộ trình giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn đến 2021 đến từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời tiến hành triển khai quyết liệt, đồng bộ các nội dung sau:

a) Rà soát, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ viên chức, người lao động cho phù hợp. Kết quả trong giai đoạn đã sắp xếp giảm 87 đơn vị sự nghiệp công lập và 41 điểm trường mầm non, tiểu học;

b) Hoàn thành phê duyệt đề án vị trí việc làm, phê duyệt xong Bản mô tả công việc, khung năng lực và bố trí người làm việc theo vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp định mức, khối lượng công việc và yêu cầu của vị trí việc làm. Đến nay 100% đơn vị thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng hạng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật... đúng theo vị trí việc làm, bước đầu đã phát huy được trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sở trường công tác của từng viên chức; hiệu quả hoạt động của các đơn vị được nâng lên;

b) Thẩm định và đề xuất giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm và định mức quy định. Đơn cử, đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, theo thông tin thì có rất nhiều tỉnh, thành phố đang gặp khó khăn trong việc tự cân đối số lượng người làm việc để bổ sung cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo do số lượng lớp, học sinh tăng nhanh. Nhưng đối với thành phố Cần Thơ, giai đoạn qua cơ bản đã thực hiện tốt việc cân đối để bổ sung số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo định mức quy định, Sở Nội vụ đã chủ động, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đề xuất kết hợp bằng nhiều giải pháp: sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp; bố trí lại số lượng học sinh theo từng lớp, nhóm lớp cho phù hợp quy định và tình hình thực tế; rà soát cơ cấu giáo viên theo từ môn học, đối chiếu định mức cụ thể tại từng trường để bố trí và giải quyết tình trạng thừa thiếu cục bộ về giáo viên, cắt giảm số lượng người làm việc đã được giao tại các trường thừa so với định mức do liên tục giảm lớp, giảm học sinh để cân đối cho các trường thiếu.

c) Đẩy mạnh thực hiện lộ trình tự chủ tài chính, thông qua việc phê duyệt phương án tự chủ về tài chính, xây dựng danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện đặt hàng. Kết quả, trong giai đoạn thành phố đã chuyển 21 đơn vị sự nghiệp công lập từ loại hình tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên sang loại hình tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên (chủ yếu là sự nghiệp y tế), qua đó cắt giảm 3.269 số lượng người làm việc và 64 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc 13 lĩnh vực, định mức kinh tế - kỹ thuật của 02 lĩnh vực, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để làm cơ sở đặt hàng có 02 danh mục.

d) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công, kết quả hiện nay trên địa bàn thành phố có 07 bệnh

viện ngoài công lập đang hoạt động, 02 bệnh viện đang xây dựng; 02 trường cao đẳng nghề nghiệp, 37 trường mầm non và 10 trường phổ thông dân lập, tự thực hoạt động, góp phần giảm gánh nặng cho các trường trên địa bàn thành phố.

Kính thưa quý đại biểu!

Bên cạnh kết quả đạt được được nêu trên, thì thành phố cũng gặp không ít khó khăn, thách thức:

- Một số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chưa đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình, Kế hoạch thực hiện của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố; một số nơi chưa thật sự quyết liệt, thiếu chủ động, tích cực trong thực hiện, có biểu hiện trông chờ trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp khác nhằm giảm đầu mối theo chủ trương, nhưng khi tăng số học sinh, số lớp, giường bệnh phải thành lập trường mới, đơn vị sự nghiệp y tế mới, thì địa phương tự cân đối, điều chỉnh trong tổng biên chế được giao;

- Nguồn thu của một số đơn vị sự nghiệp công bị sụt giảm nhiều do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, hoạt động cung cấp dịch vụ bị hạn chế; số lượng đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo chiếm tỷ lệ cao (trên 70%) trên tổng số đơn vị sự nghiệp của thành phố nhưng có nguồn thu rất thấp (dưới 10%) hoặc không có nguồn thu.

- Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở để xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 4 năm 2019 gặp nhiều khó khăn, do chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ quản lý ngành lĩnh vực.

2. Giải pháp thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn tiếp theo

Tiếp tục quán triệt mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW “Giảm tối thiểu bình quân toàn tỉnh 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021”, trên cơ sở chủ trương, quy định và với kinh nghiệm thực hiện trong giai đoạn qua, Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ đề xuất các giải pháp thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn đến năm 2025, cụ thể như sau:

a) Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền; nêu cao quyết tâm chính trị, phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cấp, ngành; thường xuyên, chủ động nắm bắt tình hình dư luận, tư tưởng đội ngũ. Cùng đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, quy định phải được triển khai thường xuyên, quyết liệt. Bên cạnh đó, quy trình thực hiện phải được công khai, dân chủ, minh bạch; thống nhất nguyên tắc thực hiện, các bước thực hiện theo lộ trình phù hợp, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức của các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Bộ chính trị, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập của ngành, lĩnh vực. Riêng đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận, huyện để sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, thành lập trường phổ thông nhiều cấp học phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý; rà soát, sắp xếp, đội ngũ viên chức giáo viên cho phù hợp định mức quy định, giải quyết tình trạng thừa, thiếu về giáo viên gắn với tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ giáo viên theo đúng chủ trương, quy định và điều kiện của thành phố. Đề xuất giải pháp kịp thời, phù hợp chủ trương, quy định để đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp giáo dục công lập ở các quận trung tâm, những nơi có dân số cơ học tăng nhanh.

c) Ban hành kế hoạch và đề án tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025, phù hợp chủ trương và tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương mình. Trong đó, đề xuất những giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả Đề án số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025, theo từng năm từ năm 2022 đến năm 2025, đảm bảo nguyên tắc không cao bằng với tỷ lệ giảm như nhau tại các đơn vị mà trên cơ sở thực tế chức năng, nhiệm vụ, quy mô khối lượng công việc được giao và định mức quy định; trong đó phương pháp chủ yếu tập trung vào việc đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng giảm tối đa nguồn kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Thực hiện sắp xếp lại tổ chức, cơ cấu lại đội ngũ của các đơn vị sự nghiệp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp.

Bên cạnh đó, các đơn vị tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; hoàn thành xây dựng vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ viên chức của từng đơn vị theo vị trí việc làm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và hoạt động của các đơn vị để tinh giản biên chế.

d) Tăng cường các giải pháp để đẩy mạnh cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp, phấn đấu có tối thiểu 10% viên chức thuộc thẩm quyền quản lý hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Riêng lĩnh vực sự nghiệp y tế, ngoài việc đảm bảo giảm tối thiểu 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021, tiếp tục thực hiện chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ của đơn vị theo quy định (trừ các Trạm y tế xã).

đ) Tổ chức đánh giá, sơ tổng kết để rút kinh nghiệm, tìm ra những cách làm hay, hiệu quả để phổ biến, nhân rộng; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những nơi thực hiện tốt; đồng thời, có phê bình những cơ quan, đơn vị thực hiện chưa tốt và có giải pháp cho phù hợp.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp, tổ chức, tập thể lãnh đạo các đơn vị, địa phương nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm để tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra.

3. Để thực hiện hiệu quả các giải pháp nêu trên, Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ đề nghị Bộ Nội vụ, nội dung cụ thể như sau:

a) Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập¹, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp chủ trương, quy định;

b) Đề nghị Bộ Nội vụ và Bộ quản lý chuyên ngành sớm ban hành văn bản đề cụ thể hóa các nội dung có liên quan đến vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP²;

c) Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cách tính định mức “*số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp*” đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện thống nhất.

Trên đây là báo cáo tham luận ***Kinh nghiệm và giải pháp thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập*** của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Nội vụ./.

¹ Ban hành tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực; Ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

² Ban hành danh mục vị trí việc làm công chức dùng chung, nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức và cơ cấu ngạch công chức làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện; Văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý và văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập

3. THAM LUẬN “KINH NGHIỆM SẮP XẾP TỔ CHỨC BÊN TRONG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND CẤP TỈNH VÀ CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP HUYỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 107/2020/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2020/NĐ-CP”

Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn

Trước tiên, tôi xin bày tỏ sự thống nhất cao đối với các nội dung đã được trình bày tại hội nghị. Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị, tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm về sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định 107/2020/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Kính thưa Hội nghị!

Ngay sau khi Nghị định 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành, Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án quy định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh để có cơ sở triển khai, thực hiện, kết quả thực hiện Nghị định 107/2020/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện Nghị định 107/2020/NĐ-CP

- Về số lượng các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh: có 19 sở được thành lập đảm bảo các quy định tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP, trong đó có 02 Sở được tổ chức theo đặc thù riêng của tỉnh (Sở Ngoại vụ và Ban Dân tộc).

- Về việc thực hiện các điều kiện thành lập Chi cục: có 12/12 Chi cục thuộc Sở được thành lập đảm bảo theo quy định tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP, trong đó tháng 4 năm 2020 Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở dự thảo Nghị định 107/2020/NĐ-CP đã tham mưu UBND tỉnh giải thể Chi cục Văn thư -Lưu trữ trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn và chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh về Văn phòng Sở Nội vụ thực hiện.

- Về việc thực hiện các điều kiện thành lập phòng thuộc sở, thuộc chi cục: kết quả rà soát sắp xếp đến nay có 104/104 phòng thuộc Sở; 46/46 phòng thuộc chi cục được thành lập đảm bảo theo quy định.

- Về số lượng cấp phó các các Sở: đảm bảo bình quân mỗi Sở có 03 Phó Giám đốc, trong đó có 04/19 Sở có 04 Phó Giám đốc (các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng UBND tỉnh; Tài nguyên và Môi trường); 04/19 Sở có 02 Phó Giám đốc (các Sở: Khoa học và Công nghệ; Tư pháp, Ngoại vụ; Ban Dân tộc); còn lại 11/19 Sở có 03 Phó Giám đốc.

- Về số lượng cấp phó các phòng chuyên môn thuộc Sở: qua rà soát có 102/104 phòng (tỷ lệ 98%) bố trí số lượng cấp phó đảm bảo theo quy định. Hiện tại còn 02/104 phòng (tỷ lệ 2%) dôi dư số lượng cấp phó do sắp xếp tổ chức trong năm 2020, tuy

nhiên theo quy định được thực hiện sắp xếp trong thời hạn 03 năm (hoàn thành trước năm 2023).

- Về số lượng cấp phó của phòng thuộc Chi cục: 46/46 phòng bố trí số lượng cấp phó đảm bảo theo quy định.

- Về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: qua triển khai thực hiện, đến thời điểm hiện tại có 15/19 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn; trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành; Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn đã chủ động, phối hợp với các sở ban ngành thẩm định trình UBND tỉnh ban hành 16/19 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở, Ban, ngành (*trong đó có Sở Thông tin và Truyền thông mặc dù Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có Thông tư hướng dẫn, tuy nhiên trên cơ sở tình hình thực tiễn, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở*); còn lại 03 Sở, ngành (Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra tỉnh) chưa thực hiện do chưa có hướng dẫn của Bộ, ngành.

2. Kết quả thực hiện Nghị định 108/2020/NĐ-CP

- Đối với phòng chuyên môn cấp huyện, trên cơ sở mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, từ năm 2018 Sở Nội vụ Lạng Sơn đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; sáp nhập Phòng Dân tộc vào Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện và đổi tên thành Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc. Theo đó, giảm 21 phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố.

- Sau khi Nghị định số 108/2020/NĐ-CP được ban hành, qua rà soát các phòng chuyên môn của 11/11 UBND huyện, thành phố được thành lập cơ bản đảm bảo theo quy định. Hiện nay chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc do Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc thực hiện, chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP, tuy nhiên đây là mô hình thực hiện thí điểm theo Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị, sau khi có hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về tổng kết mô hình thí điểm, Sở Nội vụ Lạng Sơn tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh sắp xếp phù hợp theo quy định tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP.

- Về số lượng phó phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn đã kịp thời hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng Đề án quy định số lượng cấp phó các phòng chuyên môn trình Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy cho ý kiến trước khi triển khai thực hiện, hiện nay đảm bảo bình quân mỗi phòng có 02 Phó Trưởng phòng.

- Về quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp huyện: các Sở, Ban, ngành đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Trên

cơ sở đó, UBND các huyện, thành phố đã kịp thời ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn theo thẩm quyền phân cấp.

Kính thưa hội nghị!

Có được kết quả như trên, Sở Nội vụ rút ra một số bài học kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Một là, cần bám sát những quan điểm, chỉ đạo của Trung ương, kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh và tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo kịp thời về việc triển khai, thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP.

- Hai là, phải xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, lấy kết quả của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại hàng năm đối với người đứng đầu, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấm điểm cải cách hành chính đối với cơ quan, đơn vị.

- Ba là, quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo sự thống nhất cao trong nội bộ cơ quan, đơn vị, kịp thời giải quyết chế độ chính sách đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

Thưa toàn thể hội nghị!

Qua quá trình tham mưu triển khai thực hiện Nghị định 107/2020/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn đề xuất, kiến nghị với Bộ Nội vụ và các Bộ ngành, cụ thể như sau:

(1) Đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Thực tiễn hiện nay tỉnh Lạng Sơn còn có Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới và Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn là cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh (sử dụng biên chế công chức). Do vậy cần xem xét nghiên cứu, bổ sung là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (đặc thù) để phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: Đề xuất số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện giữ nguyên như hiện nay là phù hợp. Tuy nhiên đề nghị trường hợp không tổ chức riêng Phòng Dân tộc thì chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực dân tộc do Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội thực hiện.

(3) Đối với những Chi cục và tương đương chỉ có 12 biên chế nên xem xét không tổ chức Phòng chuyên môn bên trong hoặc nghiên cứu sắp xếp chuyển thành phòng chuyên môn thuộc Sở.

(4) Đề nghị các bộ quản lý ngành, lĩnh vực sớm ban hành Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý, nghiệp vụ chuyên môn trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị

định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

(5) Đề nghị các Bộ, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Thông tin và Truyền thông; Thanh tra Chính phủ sớm ban hành các Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở, ngành thuộc lĩnh vực Bộ, ngành quản lý.

Trên đây là ý kiến tham luận của Sở Nội vụ Lạng Sơn. Thay mặt lãnh đạo Sở Nội vụ kính chúc các đồng chí Lãnh đạo Bộ và toàn thể đại biểu dự hội nghị sơ kết sức khỏe, hạnh phúc. Chúc hội nghị thành công tốt đẹp

4. THAM LUẬN “GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH BÌNH ĐỊNH”

Sở Nội vụ tỉnh Bình Định

Thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, đủ sức lãnh đạo đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”; Trong thời gian qua, việc nâng cao chất lượng quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức luôn được tỉnh quan tâm, chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cải cách hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính tỉnh Bình Định.

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, trung thành với Tổ quốc, tận tụy phục vụ nhân dân; đã thường xuyên làm tốt công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, nâng ngạch, thực hiện tốt các chế độ chính sách và khen thưởng, kỷ luật...

Theo đó, toàn tỉnh có:

- 2.173 cán bộ, công chức, bao gồm 23 chuyên viên cao cấp, 365 chuyên viên chính, 2.723 chuyên viên, 50 cán sự và 12 nhân viên. Trong đó, có trình độ chuyên môn là Đại học trở lên chiếm 98,20%; độ tuổi từ 40 trở xuống chiếm 50,25% và có 22x13% công chức là nữ.

- 26.411 viên chức, bao gồm 11 viên chức hạng I, 8.296 viên chức hạng II, 12.551 viên chức hạng III và 5.553 viên chức hạng IV. Trong đó, có trình độ chuyên môn là đại học trở lên chiếm 78%; độ tuổi từ 40 trở xuống chiếm 45,79% và có 60% viên chức là nữ.

- 3.092 cán bộ, công chức cấp xã, bao gồm 1.642 cán bộ và 1.450 công chức. Trong đó, có trình độ chuyên môn là Đại học trở lên chiếm 79,49%; độ tuổi từ 40 trở xuống chiếm 43,01% và có 27,84% là cán bộ, công chức nữ.

- Trong thời qua, được sự quan tâm của lãnh đạo Bộ Nội vụ, tỉnh đã phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, các lớp bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, chuyên môn cho 505 lượt người và hoàn thành mở các lớp bồi dưỡng cho đại biểu HĐND cấp huyện và cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Bình Định, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xác định rõ trách nhiệm quản

lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, đơn vị, sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đi đôi với thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức được phân cấp, phân quyền bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng công chức, viên chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; hoàn thành công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 - 2031; đã trình cho cấp có thẩm quyền ban hành quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đồng thời, tỉnh cũng xây dựng quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 cũng như ban hành quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc; theo đó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 28,8%; hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 68,2%; hoàn thành nhiệm vụ chiếm 2,4% và không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,3%. Trong đó, cán bộ lãnh đạo quản lý các sở, ngành cấp tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 11,95%; hoàn thành tốt nhiệm vụ 88,04%. Đồng thời, đã triển khai một số biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Để góp phần nâng cao chất lượng quản lý cán bộ, công chức, viên chức Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành; rà soát, hoàn thiện việc mô tả và xác định khung năng lực vị trí việc làm, gắn với việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh vẫn chưa mạnh, năng lực chưa đồng đều, có mặt còn yếu, thiếu tính chuyên nghiệp, công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới...

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tỉnh Bình Định sẽ đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ Nhân dân và sự phát triển tỉnh nhà.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo quy định, cá thể hóa trách nhiệm; mỗi nhiệm vụ chỉ giao cho một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm, một người có thể làm nhiều việc; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, kiểm soát quyền lực.

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng các tiêu chí rõ ràng, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí việc làm của mỗi cơ quan, đơn vị; xác định rõ chế độ trách nhiệm trong hoạt động công vụ.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Xây dựng tiêu chuẩn các chức danh, chức vụ lãnh đạo phù hợp với yêu cầu của tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của tỉnh nhằm phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài. Đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ.

Một số kiến nghị, đề xuất:

Để góp phần cho tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ tỉnh Bình Định xin kiến nghị, đề xuất với Bộ Nội vụ như sau:

1. Ban hành mới Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng công chức, viên chức; đề nghị sớm thực hiện việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức do Bộ Nội vụ thực hiện. Trên cơ sở đó đề địa phương tiếp tục lựa chọn những công chức đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm theo quy định.

2. Nghiên cứu đổi mới phương thức nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cho phù hợp theo chức danh, chức vụ lãnh đạo và theo vị trí việc làm của công chức, viên chức.

3. Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhất là bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

4. Sớm nghiên cứu và triển khai thực hiện quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghiên cứu, xác định đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nằm chung trong hệ thống công chức nhà nước, không có sự phân biệt, đối xử; qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

5. THAM LUẬN “NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH BẾN TRE”

Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre

Trước tiên, xin thay mặt Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre trân trọng cảm ơn Bộ trưởng và lãnh đạo Bộ Nội vụ, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ luôn quan tâm, hỗ trợ tỉnh Bến Tre trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đảm bảo kịp thời, thuận lợi; đồng thời, xin bày tỏ sự thông nhất cao đối với các nội dung đã được trình bày tại hội nghị hôm nay. Được sự cho phép của Chủ trì hội nghị, Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre xin tham gia phát biểu, chia sẻ một số nội dung chủ yếu liên quan đến vấn đề “Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tỉnh Bến Tre”.

Kính thưa: Toàn thể quý đại biểu,

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”, “*muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém*”. Thấm nhuần tư tưởng của Bác về công tác cán bộ, thời gian qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tập trung, chú trọng thực hiện nhiệm vụ xây dựng đội ngũ và nâng cao chất lượng CCVC, đảm bảo nhân sự trong bộ máy nhà nước có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, có phẩm chất đạo đức tốt và có kỹ năng xử lý công việc, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI cũng xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực và uy tín với nhân dân*”.

Bến Tre là một trong những tỉnh có số lượng biên chế công chức, viên chức (CCVC) khá khiêm tốn so với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Biên chế công chức được giao là 1.769 người, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 20.160 người. Với số lượng công chức, viên chức tương đối ít, trong khi nhiệm vụ được giao thực hiện ngày càng nhiều, yêu cầu chất lượng, hiệu quả công việc ngày càng cao, đòi hỏi chất lượng đội ngũ CCVC phải được nâng lên về chất và lượng. Mặt khác, trong xu thế hiện đại hóa nền hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử, đòi hỏi CCVC phải được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, rèn luyện các kỹ năng để bắt kịp xu thế phát triển của xã hội.

Kính thưa: Quý đại biểu,

Chất lượng đội ngũ CCVC là tiêu chí tổng hợp, đánh giá phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực và khả năng thích ứng, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Để bộ máy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đòi hỏi đội ngũ CCVC phải được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ, được bồi dưỡng kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Sau khi đào tạo, phải vận dụng được những kiến thức, kỹ năng ấy vào hoạt động công vụ; đồng thời, bản thân công chức, viên chức cũng phải tu dưỡng phẩm chất, rèn luyện và thực hiện lối sống trung thực, giản dị, công tâm, khách quan trong công tác, cũng như thực hành văn hóa công vụ.

Thời gian qua, tỉnh Bến Tre đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC. Trước tiên là thực hiện tốt công tác tuyển dụng. Quy trình tuyển dụng CCVC được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh. Đa số những CCVC được tuyển dụng qua thi tuyển, xét tuyển cạnh tranh đều được các cơ quan sử dụng đánh giá cao. Với yêu cầu cơ cấu hợp lý đội ngũ CCVC, bố trí nhân sự đúng vị trí việc làm và đảo bảo điều kiện, tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tỉnh cũng xin ý kiến Bộ Nội vụ để tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Qua các kỳ thi đã góp phần thực hiện chế độ, chính sách tiền lương cho người trúng tuyển. Mặt khác, khi tham gia kỳ thi, đội ngũ CCVC có động lực học tập, nghiên cứu, cập nhật thêm kiến thức để vận dụng trong quá trình công tác, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Song song đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính... cũng được tỉnh chú trọng tổ chức thực hiện hàng năm. Từ đầu năm 2022 đến nay, tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; quản lý nhà nước các ngạch và các lớp bồi dưỡng kỹ năng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở các ngành, lĩnh vực như Nội vụ, Thông tin và truyền thông, Văn hóa - Du lịch,... Đồng thời, tỉnh cũng quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị cho công chức, viên chức các cấp. Bên cạnh đó, tỉnh cũng thường xuyên rà soát, thực hiện tinh giản biên chế, nhằm sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ CCVC để đưa ra khỏi bộ máy nhân sự chưa đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và bổ sung vào bộ máy nhân sự mới có chuyên môn, năng lực công tác tốt. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã phê duyệt 144 trường hợp đủ điều kiện tinh giản biên chế và đang chuẩn bị tổ chức thi tuyển công chức các cấp.

Mặt khác, tỉnh Bến Tre đặc biệt chú trọng thực hiện tốt công tác quy hoạch, sử dụng, bố trí, đề bạt, đánh giá công chức, viên chức. Quy trình thực hiện quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá CCVC được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, dựa trên quy định của pháp luật. Khi thực hiện tốt công tác quy hoạch, sử dụng, bố trí và đánh giá đã giúp CCVC có động lực làm việc, định vị được giá trị của bản thân, phấn đấu vươn lên trong công tác, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Ngoài ra, tỉnh Bến Tre cũng quan tâm nhiều đến tạo môi trường làm việc thuận lợi, thoải mái cho CCVC; quan tâm trang bị cơ sở vật chất; thiết bị phục vụ công việc được đảm bảo, hỗ trợ rất tốt cho CCVC thực thi nhiệm vụ và xây dựng môi trường văn hóa công vụ chuyên nghiệp, thông thoáng, tạo sự dân chủ, phát huy cao khả năng độc lập, sáng tạo trong công việc của CCVC. Các chế độ, chính sách liên quan đến CCVC cũng được thực hiện kịp thời, đầy đủ, tạo sự yên tâm công tác, cũng như tạo cảm hứng, khuyến khích CCVC phấn đấu tốt hơn trong công việc và gắn bó với cơ quan công tác. Mặt khác, tỉnh cũng tăng cường tần suất thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ để kịp thời uốn nắn, nhắc nhở CCVC trong công việc khi chưa thực hiện tốt, để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Kính thưa: Quý lãnh đạo, quý đại biểu,

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, chất lượng đội ngũ CCVC của tỉnh hiện nay được nâng lên khá rõ nét so với trước đây, cơ bản đáp ứng điều kiện về trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. CCVC chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, có ý thức, trách nhiệm trong công việc, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, đội ngũ CBCC của tỉnh cũng còn một số mặt hạn chế về: Khả năng tư duy độc lập, xử lý tình huống hành chính; kỹ năng áp dụng văn bản pháp luật; soạn thảo văn bản hành chính; thuyết trình, phản biện; khả năng phân tích, dự báo, đánh giá tình hình; tinh thần trách nhiệm, sự tận tâm, tận tụy với công việc đôi lúc chưa cao,... Ngoài ra, còn một bộ phận nhỏ CCVC, đảng viên chưa tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước dẫn đến bị kiểm điểm, kỷ luật. Chính vì vậy, trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục quan tâm, thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC, cụ thể là:

Thứ nhất, đổi mới hình thức tuyển dụng công chức. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức, tỉnh sẽ nghiên cứu áp dụng hình thức, nội dung thi vòng 2 vừa kết hợp thi viết và phỏng vấn, nhằm đánh giá thí sinh ở nhiều phương diện, lựa chọn người hội đủ các yếu tố kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc nghiêm túc, chuẩn mực cho bộ máy nhà nước các cấp;

Thứ hai, điều chỉnh các vị trí việc làm, khung năng lực phù hợp tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu về năng lực, trình độ của từng vị trí; đảm bảo là cơ sở để thực hiện tốt công tác tuyển dụng nhân sự cho bộ máy;

Thứ ba, phân công, giao việc cụ thể, rõ ràng và có lộ trình thực hiện trong từng cơ quan, đơn vị, nhằm thực hiện chế độ trách nhiệm một cách rõ ràng trong hoạt động công vụ. Từ đó, làm cơ sở để nhận xét, đánh giá thực chất, sát đúng đối với từng cá nhân theo định kỳ và chỉ ra những hạn chế để cá nhân khắc phục, sửa chữa, tiến bộ hơn, góp phần ngăn chặn ngay từ đầu những dấu hiệu sai phạm;

Thứ tư, tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC. Bên cạnh bồi dưỡng nghiệp vụ theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, chức danh lãnh đạo, quản lý, chú trọng bồi dưỡng thực hành kỹ năng hành chính, nhằm khắc phục những hạn chế của đội ngũ CCVC;

Thứ năm, thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với CCVC và thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch để có kế hoạch sử dụng nhân sự phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị, đi phương theo từng thời điểm, đồng thời cũng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh;

Thứ sáu, tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ, nhằm nhắc nhở, xử lý kịp thời việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ CCVC.

Cuối lời, xin thay mặt tập thể lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre kính chúc Bộ trưởng, các Thứ trưởng, quý lãnh đạo và toàn thể đại biểu dự hội nghị luôn mạnh khỏe, thành đạt, hạnh phúc. Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

6. THAM LUẬN “KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VIỆC THỰC HIỆN TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”

UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Được sự tạo điều kiện của các cơ quan Trung ương, thông qua việc ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, kể từ năm 2021, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành địa phương đầu tiên của cả nước thực hiện ngay (không thí điểm) việc tổ chức chính quyền đô thị (không tổ chức Hội đồng nhân dân tại cả quận và phường). Đây có thể được xem là cơ hội lớn, giúp Thành phố có thể phát triển nhanh hơn, đột phá hơn, xứng tầm với tiềm năng và nguồn lực vốn có của một đô thị đặc biệt, phát huy hơn nữa vai trò đầu tàu kinh tế, cùng cả nước, vì cả nước.

Để việc tổ chức triển khai đạt hiệu quả, có chủ trương, trọng tâm, trọng điểm, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 07 tháng 4 năm 2021 về đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14; chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố khẩn trương thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác thực hiện tổ chức chính quyền đô thị và ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể³. Đồng thời, Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP cũng được Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức, với 13 chuyên đề trên nhiều lĩnh vực cho hơn 5.000 cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính từ Thành phố đến cơ sở.

Qua 01 năm triển khai xây dựng chính quyền đô thị, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả sau:

(1) Về tổ chức bộ máy

Thành phố đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức, huyện, xã, thị trấn nhiệm kỳ 2021- 2026 với tỷ lệ cử tri đi bầu cao (99,39%).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 quận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, 16 quận tiến hành bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường trực thuộc. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, 16 quận, 249 phường ban hành Quy chế làm việc trên cơ sở Quy chế làm việc (mẫu) do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Thành phố triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định danh mục tên gọi và số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, theo đó, Ủy ban nhân dân quận có 12 cơ quan chuyên môn, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận đổi tên thành Văn phòng Ủy ban nhân dân quận; riêng thành phố Thủ Đức có 13 cơ quan chuyên môn (bổ sung Phòng Khoa học và Công nghệ, để Thủ Đức có thể phát triển đúng với định hướng là đô thị sáng tạo, tương tác cao phía đông Thành phố Hồ Chí Minh).

³ Kế hoạch số 1297/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND Thành phố

(2) Về phân cấp, ủy quyền và biên chế

Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương phân cấp; ban hành nhiều quyết định phân cấp trên các lĩnh vực: tài chính, kế hoạch và đầu tư, nội vụ, tài nguyên và môi trường, lao động - thương binh và xã hội, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng, công thương. Tính đến nay, đã có 114/249 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch ký chứng thực giấy tờ, văn bản.

Khi không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường, số biên chế giảm theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương là 313 biên chế (04 biên chế/quận, 01 biên chế/phường). Thành phố thực hiện xét chuyển các trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, công chức phường thành công chức từ cấp huyện trở lên theo đúng tiến độ quy định. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức phường theo yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn đối với công chức cấp huyện.

(3) Về sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư

Ủy ban nhân dân Thành phố đã phê duyệt Đề án “Sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư khi tổ chức chính quyền đô thị, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức”, triển khai đến các cơ quan, đơn vị.

Số trường hợp thuộc diện cần sắp xếp do không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường là 291 trường hợp (50 cán bộ chuyên trách Hội đồng nhân dân quận, 241 cán bộ chuyên trách Hội đồng nhân dân phường)⁴.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức sau khi sáp nhập, nhất là thành phố Thủ Đức đã gặp không ít khó khăn: số lượng biên chế, người làm việc cần đảm bảo theo quy định, trong khi khối lượng và yêu cầu về chất lượng, tính chất phức tạp của công việc ngày càng cao; việc sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó đúng quy định cũng xảy ra bất cập, nhất là đối với các trường hợp là cán bộ lãnh đạo, quản lý còn trẻ, được đào tạo bài bản, có nguyện vọng cống hiến lâu dài. Việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ và giải quyết chế độ chính sách đối với số lượng lớn trường hợp dôi dư cùng một thời điểm cũng ít nhiều gây ảnh hưởng, xáo trộn về công tác tổ chức, bộ máy của các cơ quan, đơn vị.

(4) Về cải cách hành chính

Thành phố tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2025. Hằng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện công

⁴ Tính đến ngày 01 tháng 7 năm 2021, thành phố Thủ Đức, các quận và phường đã sắp xếp, bố trí vị trí công tác mới đối với 273 trường hợp, giải quyết chế độ chính sách đối với 18 trường hợp (04 nghỉ hưu, 08 thôi việc, 06 nghỉ việc theo nguyện vọng).

tác cải cách hành chính, gắn với chủ đề năm. Kế hoạch đề ra nhiệm vụ cụ thể ở từng lĩnh vực, phân công rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, Thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình “Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh”, Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh”, tổ chức khai thác kho dữ liệu dùng chung của Thành phố, tổ chức Hội nghị trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng chống dịch.

Việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện với nhiều cách thức đa dạng, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện để người dân, tổ chức dễ dàng tiếp cận, tra cứu. Tất cả các thủ tục hành chính được công bố chuẩn hóa trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

(5) Về tài chính, ngân sách

Để đảm bảo hoạt động của Ủy ban nhân dân 16 quận được ổn định, phù hợp với thực tiễn triển khai chính quyền đô thị, đối với việc chuyển đổi từ cấp ngân sách trở thành đơn vị dự toán, Sở Tài chính đã có văn bản, hướng dẫn cụ thể về: công tác quyết toán ngân sách quận, phường thuộc quận năm 2020 đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận; quản lý, điều hành ngân sách trong năm 2021; xây dựng dự toán năm 2022 cho thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; rà soát, kiểm tra các khoản tạm ứng của ngân sách các cấp; tập trung đôn đốc thu hồi và khẩn trương xử lý hoàn trả dứt điểm các khoản tạm ứng ngân sách theo quy định.

(6) Về tiếp xúc đối thoại với Nhân dân; thực hiện quyền đại diện của Nhân dân, quyền làm chủ của Nhân dân khi không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường

Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Công văn hướng dẫn tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường với Nhân dân⁵. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân quận, phường đã tổ chức các Hội nghị đối thoại, trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, hiến kế của Nhân dân về xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề chính đáng, những bức xúc của Nhân dân theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố đã tổ chức 232 cuộc giám sát, 164 cuộc khảo sát trực tiếp hoặc qua báo cáo. Từ kết quả giám sát, khảo sát, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ngành, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tập trung khắc phục, tháo gỡ những vấn đề còn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các chương trình, đề án của Thành phố... đảm bảo hiệu quả thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14. Thành phố cũng xây dựng và triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố trong điều kiện tổ chức chính quyền đô thị.

⁵ Công văn số 794/UBND-VX ngày 17/3/2022 của UBND Thành phố.

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đã phối hợp với Đài truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố tổ chức các diễn đàn đối thoại với người dân: Chương trình “Lắng nghe và trao đổi”, Chương trình: “Dân hỏi - Chính quyền trả lời”, Chương trình “Đối thoại cùng chính quyền Thành phố”. Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tăng cường nắm thông tin, phản ánh của cử tri, người dân địa bàn ứng cử, chủ động phối hợp với địa phương giải quyết và thông tin đến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Công thông tin 1022 được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện và giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị chủ trì, tiếp nhận, giải đáp thông tin cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 20/8/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU về “Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Nhân dân giám sát tổ chức đảng, đảng viên và hoạt động của chính quyền các cấp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030”, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai trong toàn hệ thống; định hướng hoạt động giám sát nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân Thành phố trong tham gia xây dựng Đảng bộ, chính quyền Thành phố trong sạch, vững mạnh.

(7) Về tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, Thành phố đã ban hành các văn bản triển khai, quán triệt nghiêm túc việc thực hiện các Thông tư do Thanh tra Chính phủ ban hành trong năm 2021; chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế và không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kéo giảm tối đa các trường hợp khiếu kiện kéo dài, đông người.

Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đã bố trí nhân sự, hoàn thiện cơ cấu, bộ máy tổ chức của Ban Tiếp công dân, lựa chọn người có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có trách nhiệm, có kỹ năng tiếp công dân. Tổ chức, hoạt động của Ban Tiếp công dân đã đi vào nền nếp, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên, xử lý đơn và phục vụ tiếp công dân của lãnh đạo các cấp.

Nhìn chung, các nhiệm vụ triển khai tổ chức chính quyền đô thị đã thực hiện đúng Kế hoạch, đảm bảo tiến độ các yêu cầu đặt ra, việc chuyển tiếp thực hiện nhiệm vụ giữa hai giai đoạn. Công tác quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14 từng bước đi vào chiều sâu; việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tính minh bạch trong quản lý của chính quyền Thành phố được tăng cường. Quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm và phát huy; huy động được ngày càng nhiều nguồn lực cho sự phát triển bền vững của Thành phố.

Tuy nhiên, ngoài Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, các văn bản pháp luật khác vẫn chưa được điều chỉnh một cách hệ thống, đồng bộ, chưa có quy định cụ thể để hỗ trợ cho việc triển khai tổ chức chính quyền đô thị tại các địa phương được Quốc hội cho phép thực hiện. Thành phố đã kịp thời báo cáo xin ý kiến các Bộ chuyên ngành, Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ, chỉ đạo giải quyết⁶.

Giai đoạn hiện nay, với quá trình thực hiện sơ kết 01 năm triển khai Nghị quyết số 131/2020/QH14 và góp ý dự thảo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định Chính phủ về tổ chức chính quyền đô thị, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục rà soát, kiến nghị cơ quan Trung ương các vấn đề còn vướng mắc trên nhiều lĩnh vực, cụ thể:

(1) Lĩnh vực Nội vụ

Về công chức và người hoạt động không chuyên trách ở phường: Phường là nơi tập trung triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước, đẩy mạnh phát triển hạ tầng cơ sở; ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội; tăng cường phòng, chống dịch bệnh; đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc bố trí số lượng công chức và người hoạt động không chuyên trách tại phường theo quy định, đối với thực tiễn Thành phố, khó có thể đảm bảo phù hợp với khối lượng công việc và quy mô dân số⁷.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách phường được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch phường phải thực hiện tiếp nhận vào công chức trước khi bổ nhiệm chức danh. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thì người hoạt động không chuyên trách phường không thuộc đối tượng và không đủ điều kiện để thực hiện tiếp nhận vào làm công chức.

Về phân cấp, ủy quyền: Một số nội dung được quy định phân cấp cho chính quyền địa phương nhưng vẫn cần thực hiện báo cáo, xin ý kiến Bộ, ngành trước khi quyết định. Hơn nữa, những nội dung cấp tỉnh có thể chủ động phân cấp tiếp, hay cần có sự đồng ý của các cơ quan Trung ương lại không được đề cập rõ ràng, gây lúng túng trong quá trình thực hiện⁸.

Về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: Việc đánh giá tiêu chuẩn và phân loại đơn vị hành chính đô thị theo Nghị quyết số 1211/2016/QH13 chưa thực sự phù hợp với đặc thù của đơn vị hành chính quận, phường tại Thành phố Hồ Chí Minh vì diện tích nhỏ nhưng dân số đông.

(2) Lĩnh vực Tư pháp

Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP chưa hướng dẫn thể thức hoặc biểu mẫu ban hành quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân quận, phường (thuộc thẩm quyền

⁶ Công văn số 3245/UBND-NCPC ngày 01/10/2021 của UBND Thành phố

⁷ Số lượng người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn được bố trí theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (bình quân giảm 08 người/phường), theo đó, Thành phố đã thực hiện sắp xếp giảm 2.299 người.

⁸ Khoản 4 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương

chung). Chưa có quy định về việc thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường ban hành trước thời điểm thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14.

(3) Lĩnh vực Tài chính

Triển khai tổ chức chính quyền đô thị, Ủy ban nhân dân quận, phường (thuộc quận) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách, không còn nguồn kết dư, chi khác, dự phòng và tăng thu ngân sách (nếu có); từ đó, không còn sự chủ động trong công tác điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm. Nhiều trường hợp phát sinh nhiệm vụ chi đột xuất không thể dự kiến đầy đủ khi xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, phải đề xuất Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả hoạt động.

Ngoài ra, Thành phố cũng gặp khó khăn trên một số lĩnh vực khác, như: kế hoạch và đầu tư⁹; tài nguyên và môi trường; thanh tra;...

Nhân Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng ngành Nội vụ lần này, Thành phố đề xuất Bộ Nội vụ tiếp tục quan tâm, hỗ trợ Thành phố các nội dung trọng yếu sau, giúp Thành phố có điều kiện tổ chức chính quyền đô thị hiệu quả hơn, góp phần giải quyết được những vấn đề “cốt lõi” của một đô thị đặc biệt:

(1) Kiến nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ giao cho Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp giao Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định biên chế hành chính, số lượng người làm việc tại các đơn vị công lập trên địa bàn Thành phố.

(2) Kiến nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất Chính phủ kịp thời sửa đổi, bổ sung các Nghị định về tổ chức chính quyền đô thị, trong đó quan tâm giải quyết các nội dung khó khăn, vướng mắc của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, các địa phương nói chung khi thực hiện mô hình này trong điều kiện, yêu cầu của tình hình mới.

(3) Kiến nghị đề xuất sửa đổi Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/QH13 quy định tiêu chuẩn của quận, phường của đơn vị hành chính đô thị (tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên), nhất là đô thị đặc biệt như Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, Thành phố sẽ tập trung các nội dung sau

Thứ nhất, Thành phố tiếp tục rà soát, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện. Tiếp tục đề xuất các nội dung phân cấp quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh; cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức và một số quận, huyện có quy mô dân số đông vào nội dung trình Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 16-NQ/TW và Nghị quyết số 54/2017/QH14.

⁹ Thẩm quyền quyết định, trình tự, quy trình, thủ tục thực hiện phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quận; thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hoàn thiện đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Thứ ba, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính theo thẩm quyền để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao chất lượng thực hiện phối hợp, cơ chế một cửa liên thông giữa các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương, các cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố trong giải quyết thủ tục hành chính và hoạt động phối hợp liên ngành, liên cơ quan.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến Nhân dân qua nhiều hình thức khi xây dựng, triển khai đề án, dự án, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng tổ chức tiếp xúc, đối thoại các ngành, các giới, đặc biệt là giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp. Thu hút các nguồn lực đầu tư vào khu vực thành phố Thủ Đức và các dự án trọng điểm của Thành phố. Kịp thời giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân, không để khiếu kiện kéo dài.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi cửa quyền, tham nhũng, lãng phí; thực hiện quy chế dân chủ gắn với công tác dân vận chính quyền; đẩy mạnh dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý điều hành. Tiếp tục phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Phát huy hơn nữa vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Bên cạnh các nhiệm vụ trọng tâm trên, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và Bộ Nội vụ, Thành phố cũng sẽ luôn duy trì trạng thái chủ động, vừa tích cực đưa Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ vào cuộc sống, vừa thường xuyên đánh giá tình hình, không ngừng nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Thành phố, đồng thời, góp thêm kinh nghiệm thực tiễn cho quá trình đổi mới nền hành chính nhà nước ở nước ta nói chung. Gắn tiến trình xây dựng chính quyền đô thị với xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư cũng là những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình đổi mới quản lý Thành phố, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo./.

7. THAM LUẬN “THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM SẮP XẾP, TỈNH GỌN THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH”

Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình

Hòa Bình là tỉnh miền núi nằm ở cửa ngõ vùng Tây Bắc của Tổ quốc; được thành lập từ năm 1886 trên cơ sở điều chỉnh các vùng đất đai có đông đồng bào dân tộc Mường cư trú thuộc các tỉnh Hưng Hóa, Sơn Tây, Hà Nội và Ninh Bình tiếp giáp với phía Tây đồng bằng Sông Hồng. Diện tích tự nhiên hơn 4.590 km²; dân số hiện nay trên 87 vạn người, gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống (*các dân tộc như: Mường, Kinh, Tày, Dao, Thái, H'Mông...*). Trong lịch sử phát triển của tỉnh có nhiều sự thay đổi về đơn vị hành chính và số lượng thôn, tổ dân phố; hiện nay về đơn vị hành chính (ĐVHC) toàn tỉnh có 10 ĐVHC cấp huyện (*gồm: 09 huyện và 01 thành phố*), 151 ĐVHC cấp xã (*gồm 129 xã, 12 phường, 10 thị trấn*); về tổ chức thôn, tổ dân phố có 1.482 đơn vị (*gồm: 1.195 thôn và 287 tổ dân phố*).

Thời điểm tháng 6/2017, toàn tỉnh có 2.058 thôn, tổ dân phố, có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với địa danh, văn hoá của từng vùng, từng địa phương; phần lớn có quy mô nhỏ, không đồng đều và chưa đảm bảo các tiêu chí theo quy định hiện hành; do địa hình chia cắt, giao thông, thông tin liên lạc, quy hoạch chưa đồng bộ, việc huy động tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống phúc lợi công cộng khó khăn; kinh phí chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách, khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố quá lớn (*khoảng 184,8 tỷ đồng/năm*). Quy mô hộ gia đình của thôn, tổ dân phố so với quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, như sau:

- Thôn có quy mô dưới 100 số hộ gia đình là 1.164/1.761 (*chiếm 66%*) trên tổng số thôn trong toàn tỉnh. Thôn có nhiều hộ gia đình nhất 421 hộ; ít nhất hộ gia đình 10 hộ.

- Tổ dân phố thuộc phường có quy mô dưới 150 hộ gia đình là 174/194 (*chiếm 90%*) trên tổng số tổ dân phố. Tổ dân phố có nhiều hộ gia đình nhất 310 hộ; ít nhất hộ gia đình 40 hộ.

- Tổ dân phố thuộc thị trấn có quy mô dưới 150 hộ gia đình là 79/103 (*chiếm 77%*) trên tổng số tổ dân phố của các thị trấn toàn tỉnh. Tổ dân phố có nhiều hộ gia đình nhất 368 hộ; ít hộ gia đình nhất 21 hộ.

Do đó, căn cứ Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV; Sở Nội vụ đã nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án thí điểm sắp nhập, kiện toàn thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh Hòa Bình, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương thực hiện; trong đó xác định các thôn, tổ dân phố thuộc diện sắp xếp như sau:

- Đối với thôn có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, địa hình không bị chia cắt ảnh hưởng đến giao thông đi lại; thuận tiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân; tương đồng về phong tục tập quán, tôn giáo, văn hoá, ... thì sáp nhập lại thành một thôn mới có quy mô số hộ gia đình: *Hai thôn có tổng số hộ gia đình dưới 150 hộ; ba thôn có tổng số hộ gia đình dưới 200 hộ; khuyến khích sáp nhập hai thôn có tổng số hộ gia đình dưới 200 hộ.*

- Đối với tổ dân phố có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, địa hình không bị chia cắt ảnh hưởng đến giao thông đi lại; thuận tiện về sinh hoạt văn hoá xã hội, kinh doanh, sản xuất ... thì sáp nhập lại thành một tổ dân phố mới với quy mô số hộ gia đình: *Hai tổ dân phố có tổng số hộ gia đình dưới 200 hộ; ba tổ dân phố có tổng số hộ gia đình dưới 300 hộ; khuyến khích sáp nhập hai tổ dân phố có tổng số hộ gia đình dưới 300 hộ.*

Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án; mỗi huyện, thành phố lựa chọn 02 ĐVHC cấp xã để thực hiện điểm. Kết quả đã giảm 60 thôn, tổ dân phố (*40 thôn và 20 tổ dân phố*); kinh phí giảm chi từ việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách, khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức đoàn thể 01 năm giảm khoảng 4,7 tỷ đồng.

Tại Hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả đạt được và những mặt còn tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện thí điểm việc sát nhập, kiện toàn thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh; trong đó tìm ra nguyên nhân, như: Một số địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương sáp nhập, kiện toàn thôn, tổ dân phố; chưa sâu sát trong việc triển khai, thực hiện quy trình, thủ tục giải thể, sáp nhập, kiện toàn, sắp xếp tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể; một số thôn, tổ dân phố phải chia ra sáp nhập vào nhiều thôn, tổ dân phố khác nhau dẫn đến khó khăn khi lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình trong quá trình thực hiện; một số cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành còn bất cập, thiếu linh hoạt cần sửa đổi, bổ sung; các văn bản hướng dẫn của một số sở, ngành chưa đồng bộ, kịp thời dẫn đến người dân còn tâm lý lo ngại khi sáp nhập sẽ khó khăn, xáo trộn trong việc thay đổi giấy tờ liên quan, như: Sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy khai sinh, chế độ chính sách thuộc khu vực đặc biệt khó khăn (*trường hợp sáp nhập thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn 135 với thôn khác*)...; chính sách hỗ trợ cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc sau khi sáp nhập còn thiếu công bằng, chưa phù hợp với thực tiễn, ...

Trên cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm từ Đề án thí điểm; Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương; ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện nhập, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên phạm vi toàn tỉnh; trong đó đã bổ sung, hoàn thiện các nội dung cần khắc phục; xác định các thôn, tổ dân phố thuộc diện sáp nhập như sau:

- Đối với thôn: Thành lập thôn mới (*sau khi sáp nhập*) có tổng số hộ gia đình từ 100 hộ trở lên; thôn ở những nơi có điều kiện thuận lợi có tổng số hộ gia đình từ 200 hộ trở lên.

- Đối với tổ dân phố: Thành lập tổ dân phố, khu phố mới (*sau khi sáp nhập*) có tổng số hộ gia đình từ 150 hộ trở lên; tổ dân phố, khu phố mới ở những nơi có điều kiện thuận lợi có tổng số hộ gia đình từ 300 hộ trở lên.

- Trường hợp đặc biệt: Theo điều kiện cụ thể ở của từng địa phương, có thể điều chỉnh phạm vi của thôn, tổ dân phố (*gồm một số hộ gia đình*) nhập với thôn, tổ dân phố giáp ranh liền kề để hình thành các thôn có từ 100 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 150 hộ gia đình trở lên để giảm số lượng thôn, tổ dân phố hiện có. Đảm bảo sau khi sáp nhập, kiện toàn không còn thôn dưới 100 hộ gia đình; tổ dân phố dưới 150 hộ gia đình. Trong trường hợp đặc biệt, quá khó khăn do điều kiện khách quan có thôn, tổ dân phố không thể nhập được với một thôn, tổ dân phố khác hoặc sau khi nhập một số thôn, tổ dân phố mà số hộ gia đình của thôn mới được thành lập dưới 100 hộ; tổ dân phố mới thành lập dưới 150 hộ thì trước khi tổ chức lấy ý kiến cử tri trong khu vực Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cụ thể; đồng thời báo cáo kịp thời với Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, chỉ đạo chung. Đối với thôn, tổ dân phố đã thực hiện sáp nhập, kiện toàn giai đoạn làm điếm thì giữ nguyên để đảm bảo ổn định tổ chức của hệ thống chính trị, ổn định sinh hoạt, kinh doanh, sản xuất của các tổ chức và Nhân dân địa phương.

- Việc đổi tên thôn, tổ dân phố hiện có cần nghiên cứu, tiến hành thận trọng và hạn chế; nếu thật sự cần thiết mới thực hiện đổi tên và phải đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành.

Tại Kế hoạch đã đề ra các bước để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện và thời gian hoàn thành vào quý III/2019; đã quán triệt sâu sắc theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bổ sung điều kiện quy định về quy mô tổ chức thôn, tổ dân phố theo Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV; qua đó tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận cao đối với phương án nhập, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố tại địa phương; việc triển khai, thực hiện đảm bảo ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không làm xáo trộn, gián đoạn đến đời sống sinh hoạt của Nhân dân và ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị, quản lý Nhà nước, chương trình xây dựng nông thôn mới và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Kết quả sắp xếp, tinh gọn thôn, tổ dân phố trong giai đoạn năm 2017 - 2019, toàn tỉnh Hòa Bình đã giảm 576 thôn, tổ dân phố, tương ứng giảm 28% so với trước khi sắp xếp. Giảm 2.304 người hoạt động không chuyên trách và 2.880 tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố; giảm khoảng 51,7 tỷ đồng/năm kinh phí chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách, khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức đoàn thể ở thôn, tổ dân phố. Đây kết quả của sự nỗ lực, quyết tâm, chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và hệ thống

chính trị từ tinh đến cơ sở trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả của tỉnh Hòa Bình theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, khoá XII đề ra.

* Quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn thôn, tổ dân phố có một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Trong quá trình triển khai, thực hiện có một số đơn vị do chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đôn đốc, kiểm tra, giám sát nên một số đơn vị có tỷ lệ cử tri tán thành phương án nhập, kiện toàn thôn, tổ dân phố chưa cao; có nơi phải tổ chức lấy ý kiến cử tri nhiều lần mới đạt trên 50% tổng số cử tri trên địa bàn tán thành theo quy định.

- Việc bố trí địa điểm, quỹ đất xây dựng Nhà văn hoá - Khu thể thao của thôn, tổ dân phố sau sáp nhập còn gặp nhiều khó khăn; do quy mô thôn, tổ dân phố lớn hơn so với trước đây.

- Việc nhập thôn, tổ dân phố vẫn còn một số thôn có số hộ gia đình chưa đảm bảo theo quy định, nhưng chưa sáp nhập được; một số nơi điều kiện địa hình, giao thông đi lại khó khăn và khác biệt về phong tục, tập quán, văn hoá, dân tộc, ... nên việc nhập thôn, tổ dân phố còn gặp khó khăn.

* Một số nguyên nhân khó khăn, vướng mắc là:

- Một số ít địa phương còn lúng túng, chưa sâu sát thực hiện tốt chủ trương của Trung ương và của Tỉnh; chưa làm tốt công tác quán triệt, thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sát nhập đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố đến các Chi bộ đảng và cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra khi được Ban Chỉ đạo phân công, phụ trách đến từng địa bàn cấp xã và thôn, tổ dân phố; chưa nắm bắt tư tưởng và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan người dân trên địa bàn.

- Một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chưa kịp thời ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo chức năng, nhiệm vụ được giao; các văn bản hướng dẫn còn chưa đồng bộ, chưa kịp thời dẫn đến người dân; do vậy còn có tâm lý lo ngại khi sáp nhập sẽ khó khăn, xáo trộn trong việc thay đổi giấy tờ liên quan.

- Nhận thức một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân còn hạn chế, cục bộ, chỉ lo nghĩ đến quyền lợi cá nhân, chưa vì chủ chương của Đảng, Nhà nước; chưa vì lợi ích chung của cộng đồng.

- Một số nơi dân cư phân bố không đồng đều, phân tán, rải rác, địa hình chia cắt bởi đồi, núi, sông, suối; giao thông đi lại còn khó khăn; không đảm bảo liên cư,

liên địa; không tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán; do đó không thể sáp nhập được.

- Quy định của Trung ương về quy mô số hộ gia đình về thôn, tổ dân phố có nhiều thay đổi.

* Từ kết quả đạt được trong quá trình triển khai, thực hiện sắp xếp, tinh gọn thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn năm 2017 - 2019, rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- *Một là*, việc xây dựng Đề án, Kế hoạch triển khai, thực hiện phải được bàn bạc, nghiên cứu kỹ lưỡng thông qua các cuộc hội thảo, ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt phải đánh giá, phân tích đúng thực trạng, bám sát các quy định hiện hành đối với tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và cùng với tình hình thực tiễn ở địa phương để làm rõ mục đích, yêu cầu, phạm vi đối tượng phải thực hiện sáp nhập; xác định và phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng chính sách hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách dôi dư nghỉ việc và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố.

- *Hai là*, thực hiện tốt công tác quán triệt, tuyên truyền chủ trương của Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và chủ trương của Tỉnh ủy, Đề án, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân ở địa phương.

- *Ba là*, hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, có sự quyết tâm cao, nhất quán trong nhận thức từ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về mục đích, sự cần thiết, tầm quan trọng và lợi ích của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò của người đứng đầu; tập trung quán triệt triển khai, phân công lãnh đạo của Thường vụ cấp ủy, Ban Chỉ đạo các cấp đến từng địa bàn cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố; chú trọng công tác đôn đốc, kiểm tra và giải quyết những khó khăn, vướng mắc liên quan đến người dân.

- *Bốn là*, các cơ quan có thẩm quyền kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về cơ chế, chính sách; giải quyết những khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn của địa phương.

- *Năm là*, thực hiện rà soát, để xác định số thôn, tổ dân phố thuộc diện sắp xếp; xây dựng phương án, đề án sắp xếp cho phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- *Sáu là*, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục về mục đích, yêu cầu về phương án, đề án sắp xếp để tạo sự đồng thuận cao của cử tri trên địa bàn mới tổ chức lấy ý kiến về đề án, phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố.

- *Bảy là*, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời tổ chức hội nghị giao ban, sơ kết trong giai đoạn triển khai, thực hiện để rà soát, đánh giá rút kinh

nghiệm, bổ sung hoàn thiện đề án, kế hoạch; kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- *Tám là*, kịp thời hoàn thiện, hồ sơ, đề án về sắp xếp và thành lập mới thôn, tổ dân phố trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo đúng thời gian kế hoạch và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Kịp thời sắp xếp, kiện toàn các tổ chức ở thôn, tổ dân phố sau sáp nhập; chi trả kinh phí hỗ trợ cho những người hoạt động không chuyên trách dôi dư nghỉ việc; kịp thời giải quyết các loại giấy tờ liên quan đến công dân, tổ chức để không gây ảnh hưởng đến công dân, tổ chức sau khi nhập, đặt tên, đổi tên thành thôn, tổ dân phố mới.

- *Chín là*, thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố; đánh giá đúng thành tích để động viên, khích lệ, nêu gương và khen thưởng những tập thể, cá nhân phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao./.

8. THAM LUẬN “ĐÀ NẴNG HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU LẬP HỒ SƠ ĐIỆN TỬ TIẾN TỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC LƯU TRỮ”

Sở Nội vụ TP. Đà Nẵng

Chúng ta biết rằng, làm việc qua mạng với văn bản điện tử đó là xu hướng tất yếu của công cuộc chuyển đổi số hiện nay. Trong đó, một nội dung quan trọng của chuyển đổi số tại các cơ quan hành chính nhà nước là thông qua việc thay đổi cách thực hiện công việc từ thủ công truyền thống (ghi chép trong sổ sách, văn bản giấy, họp trực tiếp...) chuyển sang phương thức làm việc qua mạng với họp trực tuyến, sử dụng văn bản điện tử.

Một trong những điểm mới của công tác văn thư theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ là sử dụng văn bản điện tử và lập hồ sơ điện tử. Đây là nội dung hết sức quan trọng, có tính đột phá trong công tác văn thư nhằm tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, giảm chi phí, thời gian và công sức; làm cơ sở cho việc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử. Quyết định số 458/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025” đã đặt ra mục tiêu mang tính chất quyết định cho công tác văn thư, lưu trữ (VTLT) điện tử, đó chính là đảm bảo tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ tại các cơ quan nhà nước được tạo lập dạng điện tử. Để hoàn thành mục tiêu này, đòi hỏi các cơ quan phải chuyển đổi số mạnh mẽ, phải xử lý, giải quyết 80% văn bản, hồ sơ hoàn toàn trên môi trường mạng.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng đó, thời gian qua, thành phố Đà Nẵng đã quyết tâm, tăng cường đẩy mạnh việc sử dụng văn bản điện tử, lập hồ sơ điện tử trong quản lý, điều hành và xử lý giải quyết công việc.

1. Kết quả đạt được

- Đến tháng 6 năm 2022, tỷ lệ lập hồ sơ công việc điện tử của thành phố Đà Nẵng đã đạt mức 89%, tăng từ mức 05% vào cuối năm 2019. Với kết quả này, thể hiện việc gần như các cơ quan hành chính thành phố đã chuyển đổi từ phương thức làm việc thủ công sang điện tử.

- 100% văn bản văn bản đi, đến được đều đăng ký, quản lý tập trung trên Phần mềm Quản lý Văn bản và điều hành dưới dạng điện tử hoặc sao y từ bản giấy sang bản điện tử (năm 2021 có 1.325.059 văn bản đến điện tử và 438.816 văn bản đi điện tử; tính đến ngày 20/6/2022, có 438.816 văn bản đến và 198.930 văn bản đi điện tử).

- 100% văn bản đi đều được gửi liên thông trên Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, đây là cơ sở quan trọng đảm bảo nguồn dữ liệu đầu vào của các cơ quan, đơn vị ở định dạng điện tử.

- 100% các cơ quan, đơn vị đều đã triển khai lập hồ sơ công việc điện tử với sự tham gia của 100% công chức tham mưu giải quyết công việc.

Với kết quả này, thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành chỉ tiêu về tạo lập văn bản điện tử và lập hồ sơ điện tử được Chính phủ giao tại Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử

của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025”; tạo lập dữ liệu số tiến tới chuyển đổi số trong công tác lưu trữ của thành phố.

2. Cách thức thực hiện để đạt mục tiêu

Để đạt được kết quả nêu trên đã thể hiện sự quan tâm, quyết tâm của lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, lãnh đạo từng cơ quan trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống phần mềm, giải pháp công nghệ và bố trí nhân lực; sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của công chức, người lao động tại các cơ quan hành chính của thành phố và hiệu quả của công tác tham mưu quản lý nhà nước đối với công tác VTLT thông qua các hình thức như sau:

Thứ nhất, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lập hồ sơ điện tử: Để các cơ quan có cơ sở và thuận lợi trong việc triển khai lập hồ sơ điện tử, từ năm 2021 đến nay, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành nhiều văn bản quy định chi tiêu, thời gian hoàn thành lập hồ sơ điện tử; các công văn chỉ đạo lập hồ sơ điện tử và Sở Nội vụ đã ban hành **15 văn bản** hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan lập hồ sơ điện tử.

Thứ hai, công nghệ là nền tảng then chốt cho việc tạo lập hồ sơ công việc điện tử. Với sự tự chủ trong việc xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin chính quyền điện tử bao gồm Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và hệ sinh thái kèm theo, thành phố Đà Nẵng đã đảm bảo một nền tảng về công nghệ cho việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ nhận, xử lý văn bản điện tử đến lập, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử. Từ năm 2017, phân hệ lập hồ sơ công việc điện tử đã được xây dựng. Ngay khi Quyết định 458 của Thủ tướng được ban hành, chức năng quan trọng nhất là yêu cầu công chức, viên chức phải lập hồ sơ điện tử từ thời điểm dự thảo văn bản đã được bổ sung. Các công nghệ, ứng dụng về ký số cũng được nâng cấp liên tục như ký số trực tiếp trên SIM điện thoại, ký số trực tiếp trên bản PDF và mới nhất là công nghệ ký số trên bản word đã tạo ra sự thuận tiện nhất cho lãnh đạo các cấp trong việc chuyển đổi phương thức làm việc. Thành phố cũng đã áp dụng các công nghệ nhận dạng tự động hỗ trợ cho việc lập hồ sơ công việc với văn bản đến, công nghệ robot thông báo tình hình lập hồ sơ công việc cho lãnh đạo các cấp. Tất cả các giải pháp công nghệ trên tạo ra sự chuyển biến đột phá trong thay đổi cách thức làm việc của công chức, viên chức các cấp và đảm bảo đạt tỷ lệ lập hồ sơ công việc điện tử.

Thứ ba, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn trực tiếp cho các cơ quan. Từ năm 2021 đến nay, Sở Nội vụ đã tổ chức 07 lớp tập huấn (trực tuyến và trực tiếp) hướng dẫn lập hồ sơ điện tử trên Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành cho **1.036 lượt công chức** tại các cơ quan. Đối với các lớp trực tuyến, Sở Nội vụ thực hiện ghi âm, ghi hình bài giảng và gửi văn bản thông báo địa chỉ đăng tải bài giảng đến các cơ quan để thuận lợi trong việc theo dõi, thực hiện lập hồ sơ điện tử. Đồng thời, Sở Nội vụ đã cử công chức hướng dẫn nhiều cơ quan, đơn vị để tập huấn chuyên sâu về lập hồ sơ điện tử.

Thứ tư, thực hiện kiểm tra và đánh giá xếp loại công tác VTLT trong đó chú trọng nội dung lập hồ sơ điện tử. Từ năm 2011 đến nay, thành phố Đà Nẵng thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác VTLT hàng năm để thúc đẩy

sự thi đua, nỗ lực giữa các cơ quan. Để các cơ quan quan tâm, tập trung lập hồ sơ điện tử, năm 2021, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố điều chỉnh Bộ tiêu chí đánh giá, trong đó tiêu chí lập hồ sơ điện tử là một trọng số quan trọng (chiếm 18/100 điểm) và lấy tiêu chí này là một trong những tiêu chí không chế kết quả xếp loại (ví dụ: Cơ quan đạt 90 điểm, đủ xếp loại xuất sắc nhưng không đạt 13/18 điểm lập hồ sơ, bị hạ xuống loại tốt). Kết quả xếp loại VTLT năm 2021, có 10 cơ quan bị hạ một loại do bị không chế bởi điểm lập hồ sơ. Vì vậy, để có thứ hạng cao trong công tác VTLT hàng năm, yêu cầu các cơ quan phải chú trọng, thực hiện tốt việc lập hồ sơ điện tử. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan, đơn vị đã lấy kết quả lập hồ sơ điện tử là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng tháng.

3. Biện pháp để Đà Nẵng chuyển đổi số trong công tác lưu trữ

Mặc dù đã sớm đạt chỉ tiêu nhưng việc lập hồ sơ điện tử của thành phố Đà Nẵng vẫn còn hạn chế đó là chất lượng lập hồ sơ điện tử chưa tốt. Nguyên nhân là do tâm lý chưa yên tâm khi quản lý hoàn toàn văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng nên tại một số cơ quan vừa hình thành văn bản điện tử vừa hình thành văn bản giấy; do lãnh đạo cơ quan chưa thực sự quyết tâm trong việc thay thế phương pháp quản lý, điều hành từ giấy sang điện tử. Do đó, thành phố luôn xác định tư tưởng không được chủ quan, lơ là với kết quả đã đạt được, cần tiếp tục tập trung thực hiện một số biện pháp trong thời gian đến để lãnh đạo cơ quan quyết tâm cao trong việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, thay đổi phương thức làm việc từ giấy sang điện tử; duy trì chỉ tiêu và nâng cao chất lượng lập hồ sơ điện tử, đồng thời đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong công tác lưu trữ. Các biện pháp cụ thể như sau:

Một là, thành phố tiếp tục đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện thể chế và các quy định liên quan để tạo hành lang pháp lý cho công tác lưu trữ điện tử.

Hai là, tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các Hệ thống công nghệ thông tin hiện có, đảm bảo phục vụ tốt hơn cho quá trình xử lý công việc, văn bản; áp dụng các công nghệ mới như nhận dạng chữ viết (OCR), công nghệ trí tuệ nhân tạo trong đọc hiểu văn bản (NLP); đề xuất cấp chữ ký số cá nhân cho công chức chuyên môn giải quyết công việc... để tăng mức độ chính xác, hiệu quả của văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

Ba là, khẩn trương xây dựng, hình thành và triển khai Kho lưu trữ số của thành phố Đà Nẵng. Thực tế hiện nay, dữ liệu vẫn đang được lưu trữ rải rác tại các hệ thống và tại Lưu trữ lịch sử thành phố. Do đó, hình thành Kho lưu trữ số để tích hợp, quản lý thống nhất các nguồn dữ liệu điện tử là mục tiêu quan trọng của chuyển đổi số trong công tác lưu trữ. Để thực hiện mục tiêu trên, hiện nay thành phố đang xây dựng “*Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử và kho lưu trữ số của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030*”.

Bốn là, xác định con người là nhân tố then chốt để thực hiện thành công chuyển đổi số, do đó thành phố sẽ thực hiện liên tục, đồng bộ nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, hướng dẫn VTLT điện tử đến công chức, viên chức, người

lao động để cập nhật thông tin, kiến thức cũng như thay đổi cách thức làm việc trong môi trường điện tử.

Trên đây là nội dung tham luận ***“Đà Nẵng hoàn thành chỉ tiêu lập hồ sơ điện tử tiến tới chuyển đổi số trong công tác lưu trữ”*** của Sở Nội vụ tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác 06 tháng đầu năm 2022 của ngành Nội vụ./.

9. THAM LUẬN “CÔNG TÁC THAM MƯU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH THÁI NGUYÊN - MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022”

Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên

Lời đầu tiên, tôi xin được gửi đến quý vị đại biểu dự Hội nghị lời chào trân trọng và lời chúc tốt đẹp nhất!

Qua nghiên cứu tài liệu và nghe các ý kiến tham luận, thay mặt cho lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên, tôi bày tỏ sự nhất trí cao với nội dung Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Nội vụ cùng các ý kiến góp ý, bổ sung của các đại biểu về những kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành Nội vụ được Đảng, Nhà nước và Nhân dân tin tưởng, giao phó trong 6 tháng đầu năm.

Để góp phần làm rõ thêm những kết quả đạt được trong 06 tháng qua, cũng như mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu trong công tác xây dựng ngành Nội vụ, Tôi xin phép được chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm trong **“Công tác tham mưu xây dựng chính quyền số của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên và Một số kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2022”**

Kính thưa Hội nghị!

Trong thời gian qua, công tác chuyển đổi số luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Xác định chuyển đổi số là một trong những đột phá phát triển của tỉnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó xây dựng và phát triển chính quyền số, chuyển đổi số là ưu tiên hàng đầu để thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử; Ngày 31/12/2020 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/NQ-TU về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và lấy ngày 31/12 hằng năm là Ngày chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên. Các ứng dụng CNTT được triển khai rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, nhân dân và đạt được nhiều kết quả trên cả 3 trụ cột: kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Tỉnh Thái Nguyên đã đưa vào vận hành ứng dụng Hệ thống du lịch thông minh của tỉnh; triển khai và cập nhật các tính năng mới trên ứng dụng C-Thái Nguyên, Thái Nguyên – ID, Sổ tay đảng viên điện tử,... Tính đến ngày 27/5/2022 số lượt tải ứng dụng C-Thái Nguyên là 215.083 lượt, triển khai đến 100% đảng viên trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh cài ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; đăng tải 209 thông tin cảnh báo và tiếp nhận 889 phản ánh từ C-Thái Nguyên.

Kính thưa Hội nghị!

Với vai trò là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh về các lĩnh vực thuộc ngành Nội vụ và phát huy sức mạnh của tập thể, cá nhân trong quá trình chuyển đổi

số, Sở đã tiến hành tổ chức phong trào thi đua “Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số” giai đoạn 2021 - 2025 với chủ đề “Thi đua chuyển đổi số trong lĩnh vực Nội vụ”. Phong trào đã và đang góp phần tích cực tạo khí thế thi đua sôi nổi, thúc đẩy mỗi tập thể, cá nhân phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết về chuyển đổi số của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ngay từ đầu năm 2022, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-SNV về Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên năm 2022 và các văn bản, kế hoạch khác về việc Lập hồ sơ điện tử, Số hóa hồ sơ lưu trữ kết quả giải quyết TTHC, bảo mật an toàn thông tin.... Hiện nay, Sở đã vận hành, sử dụng có hiệu quả phần mềm hỗ trợ, điều hành tác nghiệp của Unitech để quản lý văn bản đi, đến giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã; 100% công chức Sở Nội vụ đã được cấp và sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ, lập hồ sơ công việc điện tử theo quy định; 100% văn bản hành chính đều thực hiện ký số từ chuyên viên soạn thảo, lãnh đạo phòng, ban đến lãnh đạo Sở; vận hành ổn định Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ với lượt truy cập gần 1.000 người/ngày; 100% công chức, viên chức có và sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc; 78/80 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nội vụ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên, trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở có 75% hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện trực tuyến (vượt chỉ tiêu đề ra của tỉnh chỉ 55% hồ sơ giải quyết trực tuyến);

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TU về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên, Viettel Thái Nguyên, VNPT Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học EFY Việt Nam, Công ty Unitech và các cơ quan, đơn vị liên quan đưa vào sử dụng và vận hành tốt các phần mềm hỗ trợ công tác chuyên môn như:

- Lĩnh vực CCHC : 04 phần mềm
- Lĩnh vực Công chức viên chức: 01 phần mềm, đã thực hiện số hóa tới 100% các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (đã số hóa 31.769 hồ sơ);
- Lĩnh vực Văn thư lưu trữ: 02 phần mềm, số hóa được 22.6 mét giá = 150.290 trang;
- Lĩnh vực thi đua khen thưởng: 01 phần mềm

Trong năm 2022, Sở Nội vụ đăng ký 03 dự án CNTT với kinh phí dự kiến 8 tỷ đồng từ nguồn CNTT của tỉnh. Giai đoạn 2022-2025, Sở Nội vụ đăng ký 11 dự án CNTT với kinh phí dự kiến hơn 50 tỷ đồng, gồm.

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống 03 phần mềm cơ sở dữ liệu CCHC, ngoài ra Xây dựng, phát triển thêm 01 phần mềm đánh giá, chấm điểm Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên;

- Lĩnh vực Văn thư lưu trữ: 03 nhiệm vụ CNTT

- Lĩnh vực công chức, viên chức: Phát triển và hoàn thiện 01 phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên; xây dựng mới 01 phần mềm Đánh giá chất lượng cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo: 01 phần mềm Quản lý dữ liệu;

- Lĩnh vực địa giới, hành chính: 01 phần mềm quản lý các mốc, địa giới hành chính;

Kính thưa Hội nghị!

Qua triển khai sử dụng các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ cho thấy việc ứng dụng CNTT đã đem lại những hiệu quả thiết thực trong quản lý hành chính nhà nước tại Sở. Một khi có dữ liệu số, có mạng máy tính và phần mềm tác nghiệp, công chức có thể làm việc, sưu tầm tài liệu, tra cứu hồ sơ, thống kê, tổng hợp số liệu hiệu quả và thuận lợi hơn; người dân, tổ chức và doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện, bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, giảm thiểu thời gian, kinh phí đi lại.

Công tác chuyển đổi số của ngành Nội vụ tại tỉnh Thái Nguyên được triển khai rộng khắp tới các cơ quan, đơn vị, đoàn thể tỉnh và cấp huyện, xã đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả. Việc xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trên đã tạo thuận lợi cho đội ngũ công chức, viên chức, góp phần công khai minh bạch thực thi công vụ, thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chủ trương chuyển đổi số của Trung ương, Tỉnh.

Để tiếp tục kế thừa và phát huy những kết quả đạt được nêu trên, Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên kiến nghị Bộ Nội vụ trong thời gian tới quan tâm triển khai một số nội dung sau:

Một là, Xây dựng, ban hành văn bản quy định về mẫu phiếu thông tin đầu vào và danh mục chuẩn thông tin, quy định kỹ thuật chia sẻ, tích hợp dữ liệu sơ yếu lý lịch CBCCVC (bao gồm cả mẫu phiếu điện tử) thống nhất trong toàn hệ thống; Quy định về an toàn bảo mật thông tin đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC;

Hai là, Bộ Nội vụ ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ điện tử; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số thông tư về định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Nội vụ;

Ba là, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quản trị, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, do Bộ Nội vụ triển khai thực hiện;

Bốn là, xem xét áp dụng phần mềm báo cáo thực hiện CCHC theo hệ thống báo cáo thống kê của ngành Nội vụ, thực hiện phân quyền đến các sở, ngành và UBND cấp huyện, đảm bảo số liệu, thông tin báo cáo từ cơ sở được kết nối tự động.

Năm là, xem xét, hỗ trợ các địa phương triển khai ứng dụng phần mềm (do Bộ Nội vụ xây dựng) trong thi tuyển công chức.

Trên đây là một số ý kiến chia sẻ, trao đổi về **“Một số kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2022 và công tác tham mưu xây dựng chính quyền số của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên”**. Cuối cùng, một lần nữa tôi xin kính chúc các quý vị đại biểu sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

10. THAM LUẬN “ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG”

Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương

Thực hiện Công văn số 2622/BNV-VP ngày 17/6/2022 của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương báo cáo tham luận với chủ đề: **“Đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục tại tỉnh Bình Dương”** với nội dung như sau:

Bình Dương có diện tích 2.695 km², dân số khoảng 2,67 triệu người, trong đó người nhập cư chiếm hơn 50% dân số. Tổng sản phẩm xã hội năm 2021 389.603 tỷ đồng, thu ngân sách 61.200 tỷ đồng.

Trong nhiều năm qua, bên cạnh sự phát triển công nghiệp, lĩnh vực giáo dục ngoài công lập ở tỉnh đã có sự hình thành và phát triển mạnh mẽ, đóng góp lớn cho công tác đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Số liệu hiện có về các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục ở tỉnh như sau:

Về giáo dục và đào tạo:

- Khối công lập có 388 trường, gồm 1 trường đại học, 1 Trung tâm GDTX, 30 trường trung học phổ thông, 80 trường THCS, 157 trường tiểu học, 119 trường mầm non.

- Khối ngoài công lập có 341 trường, gồm 2 trường đại học, 9 trường THPT nhiều cấp học, 4 trường THCS, 3 trường tiểu học, 323 trường mầm non.

Về giáo dục nghề nghiệp:

Khối công lập có 12 trường và trung tâm, gồm 3 trường cao đẳng, 3 trường trung cấp, 6 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện.

Khối ngoài công lập có 70 đơn vị, gồm 2 trường cao đẳng, 6 trường trung cấp, 6 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 56 cơ sở khác có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, chủ yếu thuộc các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

Số liệu trên cho thấy khối ngoài công lập có 411 đơn vị, chiếm hơn 51% tổng số cơ sở giáo dục ở địa phương, là nhân tố thúc đẩy sự phát triển, tạo môi trường năng động, cạnh tranh lành mạnh tích cực giữa 2 khối công lập và ngoài công lập và nắm giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển giáo dục của tỉnh.

Tuy nhiên việc thực hiện xã hội hóa giáo dục thời gian qua ở tỉnh Bình Dương cũng có những mặt hạn chế, khó khăn sau:

- Việc thực hiện hiện xã hội hóa nói chung và trên lĩnh vực giáo dục nói riêng giữa các địa phương trong tỉnh chưa đồng đều, chủ yếu tập trung ở các đô thị tập trung đông dân cư (tại 03 thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An), riêng các huyện phía Bắc của tỉnh (Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Dầu Tiếng) còn rất ít hoặc chưa có nhà đầu tư tham gia lĩnh vực này. Công tác tuyển sinh học nghề ở các cơ sở ngoài công lập, đặc biệt là tỉ lệ tuyển sinh ở trình độ cao đẳng, trung cấp vẫn còn thấp so với yêu cầu đặt ra.

- Đa số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có quy mô nhỏ lẻ, phần lớn cơ sở vật chất chưa bảo đảm theo yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn; vẫn còn tình trạng chưa bảo đảm đủ thủ tục pháp lý xây dựng đối với các trường có quy mô lớn; đối với các trường có quy mô nhỏ (chủ yếu là giáo dục mầm non), địa phương chỉ cấp phép hoạt động có thời hạn dẫn đến chất lượng đầu tư cho hoạt động giáo dục của nhà trường còn hạn chế; nhiều cơ sở giáo dục mầm non không đạt tỷ lệ giáo viên trên nhóm lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gây ra một số ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Còn vướng mắc thủ tục xử lý về đất, tài sản trên đất của các cơ sở công lập khi thực hiện xã hội hóa. Đối với các dự án xã hội hóa có giao đất và các công trình xã hội hóa theo hình thức liên danh liên kết và cho thuê đất đều vướng ở thủ tục đất đai, do không có quy hoạch sử dụng đất hoặc có quy hoạch sử dụng đất nhưng mục đích sử dụng đất không đúng với loại hình đầu tư mà doanh nghiệp mong muốn đầu tư.

Nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền về xã hội hóa giáo dục còn chưa rộng rãi; doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đúng mức tới lĩnh vực đào tạo nghề, khi đầu tư khó thu hồi vốn, đặc biệt khi đầu tư về các huyện phía bắc của tỉnh vì rất ít người học. Một số trường khi hoạt động chỉ tập trung vào các ngành nghề ít phải đầu tư cơ sở vật chất, máy móc dẫn đến mất cân đối giữa các ngành nghề đào tạo. Bên cạnh đó, tâm lý người học còn chưa thật sự tin tưởng vào chất lượng đào tạo của các trường tư, còn chú trọng học trường công lập để được hưởng đầy đủ chế độ miễn giảm học phí.

- Việc đầu tư trường lớp mầm non ngoài công lập chưa theo quy hoạch và còn mang tính tự phát, thiếu bền vững; các nhà đầu tư chưa mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất để nâng cấp, phát triển trường học. Quy định về đầu tư cơ sở giáo dục ngoài công lập (quy hoạch đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi công năng công trình, chính sách hưởng ưu đãi ...) chưa đi vào cuộc sống giữa thực tế và quy định pháp luật. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập còn gặp khó khăn trong hợp đồng giáo viên...

- Pháp luật hiện nay chưa quy định rõ việc sử dụng tài sản công để thực hiện xã hội hóa, chỉ quy định việc sử dụng tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết; chưa có quy định hướng dẫn tính toán chi phí dành cho hành chính, giá trị thương hiệu, phân chia cổ tức, lợi nhuận...

Đề xuất giải pháp

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các chủ trương, chính sách của Trung ương, địa phương về xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nói chung, qua đó hình thành các quan niệm đúng đắn, phù hợp liên quan đến các vấn đề về xã hội hóa dịch vụ công. Tăng cường công tác tuyên truyền và tư vấn cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nắm bắt và hiểu rõ những chính sách, lợi ích khi tham gia đầu tư vào cung ứng dịch vụ công.

- Quán triệt trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức mục đích, ý nghĩa của công tác xã hội hóa giáo dục để mọi người nhận thức đúng đắn, đầy đủ và góp phần thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác này.

- Thực hiện công tác rà soát hệ thống văn bản của Trung ương và địa phương về công tác xã hội hóa hoạt động giáo dục và tổ chức khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện những yêu cầu trong các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý GDĐT; các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập đối với hoạt động cung ứng dịch vụ, để có hướng điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ, xây dựng chính sách mới về công tác xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội địa phương.

- Nhà nước làm tốt trách nhiệm quản lý, lãnh đạo và chỉ đạo việc tổ chức cung ứng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục như ban hành các cơ chế, chính sách, quy định tiêu chuẩn, định mức, chất lượng, giá cả dịch vụ giáo dục cho phù hợp. Có cơ chế thích hợp để đảm bảo được chất lượng dịch vụ công đáp ứng nhu cầu người dân trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở ngoài công lập. Đẩy mạnh việc khuyến khích tư nhân tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục. Bảo đảm việc tăng cường, đa dạng hóa các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển kể cả các đơn vị công lập và ngoài công lập.

- Các địa phương trong tỉnh cần bảo đảm tốt công tác quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập nhằm đáp ứng quy mô định hướng phát triển, phù hợp với yêu cầu của xã hội về dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục. Rà soát quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện, tạo thuận lợi chuyển đổi mô hình từ công lập sang ngoài công lập ở những đơn vị, địa phương có khả năng xã hội hóa cao. Chú trọng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư của nước ngoài.

- Tiếp tục sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch chung của tỉnh; định hướng, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tập trung đầu tư vào các huyện phía Bắc của tỉnh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập tập trung tăng cường hợp tác với doanh nghiệp cùng đầu tư trang thiết bị đào tạo nghề để từ đó khai thác tốt việc tự chủ chương trình đào tạo, đảm bảo nội dung bám sát yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp và xã hội.

Kiến nghị

Để tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tiếp tục tham gia xã hội hóa lĩnh vực giáo dục cũng như nhiều lĩnh vực khác trong đời sống kinh tế xã hội, tỉnh Bình Dương kiến nghị Trung ương những nội dung sau:

- Cần có các quy định doanh nghiệp cùng có trách nhiệm tham gia đào tạo và hỗ trợ đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đẩy mạnh công tác xã hội hóa

về giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ hợp tác, gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp để khuyến khích việc thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đào tạo nghề gắn với nhu cầu theo từng lĩnh vực cụ thể của nhà đầu tư.

- Sớm bổ sung hoàn thiện các quy định về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực

- Xây dựng, đổi mới chính sách bảo đảm sự công bằng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên giữa cơ sở công lập với ngoài công lập về thu nhập cá nhân; chế độ bảo hiểm xã hội; chế độ đào tạo bồi dưỡng; đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng môi trường làm việc...

- Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành có liên quan sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, hướng dẫn việc thực hiện xã hội hóa khi sử dụng tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập để địa phương và các đơn vị sự nghiệp có cơ sở để tổ chức, triển khai thực hiện; ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

Trên đây là nội dung tham luận với chủ đề **“Đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục tại tỉnh Bình Dương”**, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương trân trọng báo cáo với Hội nghị./.

11. THAM LUẬN “TIẾP TỤC THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐẢM BẢO TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022”

Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái

Hôm nay, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Nội vụ; được sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin có một số ý kiến như sau:

Qua nghe báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Nội vụ; tôi xin hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong báo cáo đã nêu và xin được tham luận nhằm làm rõ thêm nội dung về kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2015 – 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 của tỉnh Yên Bái như sau:

1. Về thực trạng trước khi sắp xếp (năm 2015)

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2015 là 951 đơn vị, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục: 577 đơn vị;
- Sự nghiệp Y tế: 214 đơn vị;
- Sự nghiệp khoa học: 30 đơn vị;
- Sự nghiệp Đài, Văn hóa, TDTT: 29 đơn vị;
- Sự nghiệp khác 101 đơn vị.

2. Về quá trình triển khai thực hiện

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19-NQ/TW của ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương đảng:

+ Tỉnh ủy Yên Bái đã ban hành Chương trình hành động số 95-CTr/TU ngày 02/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12/03/2018 về thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 95-CTr/TU của Tỉnh ủy và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để triển khai thực hiện.

- Việc ban hành Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh đã được:

+ Triển khai kịp thời đúng với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong tình hình mới.

+ Đặt ra những mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu cụ thể về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch:

+ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Đề án, phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối quản lý, đề xuất cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế.

+ Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của tỉnh thường xuyên họp, đôn đốc, chỉ đạo, trực tiếp thẩm định, cho ý kiến trước một bước vào các nội dung để đảm bảo tiến độ, chất lượng theo lộ trình đề ra, tiếp tục hoàn thiện, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương thống nhất để tổ chức triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở các Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp và ban hành các Quyết định về tổ chức lại, thành lập, giải thể các đơn vị theo nội dung Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và theo quy định. Việc tiến hành sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập được tiến hành một cách nghiêm túc, khẩn trương, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, đảm bảo quy định, tạo sự đồng thuận cao về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, quan tâm đến quyền, lợi ích và không gây xáo trộn, ảnh hưởng về tâm lý của cán bộ, viên chức; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế.

- Riêng triển khai thực hiện Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nội vụ đã phối hợp với các Sở, ngành; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND cấp huyện tiến hành rà soát, thống kê các đơn vị sự nghiệp, cơ cấu tổ chức bên trong của đơn vị sự nghiệp công lập không đủ tiêu chí thành lập theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP, Trên cơ sở rà soát xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện.

3. Về kết quả: Với việc tập trung đi trước một bước về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đến thời điểm hiện nay, tỉnh Yên Bái đạt được kết quả như sau:

3.1. Về Tổ chức bộ máy:

- Đến 31/6/2022, tổng số đã giảm được 246/951 đơn vị sự nghiệp, đạt tỷ lệ 25,86% (giải thể 03 đơn vị, sắp xếp tinh gọn đầu mối 243 đơn vị) so với năm 2015; Trong đó thực hiện Nghị định 120/2020/NĐ-CP đến nay tỉnh Yên Bái thực hiện giảm 7 đơn vị sự nghiệp, 131 phòng và cơ cấu tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp.

- Năm 2022 tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch thực hiện nghị quyết 19-NQ/TW giai đoạn 2022 -2025, theo kế hoạch đến hết năm 2025 tỉnh Yên Bái thực hiện giảm 10% đơn vị sự nghiệp so với năm 2021.

- Riêng 6 tháng đầu năm 2022 tỉnh Yên Bái thực hiện:

+ Giảm 01 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 2 đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn (Do sáp nhập Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Yên Bái, Trường Cao đẳng Sư phạm Yên Bái, Trường Mầm non thực hành trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo vào Trường Cao đẳng Y tế Yên Bái và đổi tên thành Trường Cao đẳng Yên Bái);

+ Dự kiến trong Quý III/2022 Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sáp nhập trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công ích vào Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng cùng cấp.

3.2. Về lãnh đạo:

Đến 31/6/2022, giảm 605 lãnh đạo quản lý, trong đó: 246 cấp trưởng, 359 cấp phó.

3.3. Về biên chế:

+ Biên chế giao năm 2022 đã giảm được 2.670 biên chế sự nghiệp (đạt tỷ lệ 12%) so với năm 2015.

+ Năm 2022 tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch thực hiện nghị quyết 19-NQ/TW giai đoạn 2022 -2025, theo kế hoạch đến hết năm 2025 tỉnh Yên Bái thực hiện giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ 6 tháng đầu năm 2022 giảm 399/19962 biên chế sự nghiệp (đạt tỷ lệ 1,99%) so với năm 2021.

4. Đánh giá hiệu quả sau sắp xếp

(1) Với việc tập trung đi trước một bước đến thời điểm hiện nay tỉnh Yên Bái đã thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 25,86% so với năm 2015 (vượt tỷ lệ rất cao theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW là 10%).

(2) Về cơ sở vật chất, ngân sách

- Kinh phí tiết kiệm do thực hiện việc tinh giản biên chế khoảng 1.355 tỷ đồng, giảm chi phí trực tiếp cho bộ máy từ 71% (năm 2015) xuống 55% (năm 2020). Ngoài số kinh phí tiết kiệm trên, việc sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, tiết kiệm chi ngân sách trong các năm tiếp theo do không phải cấp kinh phí chi thường xuyên cho các đối tượng đã tinh giản hoặc chuyển sang làm việc tại các cơ sở ngoài nhà nước, không phải bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị làm việc... góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách. Nguồn kinh phí tiết kiệm phần lớn được bổ sung cho đầu tư phát triển (*bình quân từ 200 - 300 tỷ/năm*) tập trung cho các công trình trọng điểm, cơ sở hạ tầng trường, lớp học, xây dựng nông thôn mới...; một phần bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học, mua sắm các trang thiết bị, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế...

- Cơ sở vật chất tiết kiệm do giảm điểm trường, phòng học, giảm trụ sở các cơ quan, đơn vị và tiết kiệm do không phải đầu tư bổ sung theo tính toán khoảng 135 tỷ đồng.

(3) Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đến nay đã giảm được 2.670 người làm việc (đạt tỷ lệ 12%) so với năm 2015, trong đó 6 tháng đầu năm 2022 giảm 399 người làm việc (đạt tỷ lệ 1.99%) so với năm 2021 và chất lượng đội ngũ viên chức được nâng lên.

5. Để tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp có hiệu quả, tôi xin nêu một số kinh nghiệm và giải pháp trong quá trình tham mưu, triển khai thực hiện như sau:

- Thứ nhất tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, các văn bản, đề án đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để tập thể, cá nhân đều nắm và hiểu rõ quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết; vận động, thuyết phục để nâng cao nhận

thức và tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện, nhất là việc vận động phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

- Thứ hai cần phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy, chính quyền; đặc biệt là phát huy vai trò người đứng đầu; gắn trách nhiệm và cụ thể hóa vào đánh giá, phân xếp loại đối với người đứng đầu với kết quả thực hiện sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền.

- Thứ ba đối với những mô hình mới chưa có tiền lệ, chưa có hướng dẫn của Trung ương thì phải tiến hành ngay việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc để quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể và cá nhân, của người đứng đầu ở từng chức danh đảm bảo dân chủ, ban hành quy chế để đảm bảo cơ quan mới được vận hành một cách đồng bộ, tránh gộp lại một cách cơ học.

- Thứ tư trong quá trình thực hiện cần huy động mạnh mẽ sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Việc thực hiện quy trình sắp xếp, bố trí lãnh đạo, quản lý, sắp xếp cán bộ phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, công tâm, khách quan; lựa chọn, sắp xếp cán bộ có đủ phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có năng lực lãnh đạo, quản lý và am hiểu về lĩnh vực công tác, coi đó là yếu tố quan trọng quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ được giao của cơ quan sau sắp xếp.

- Thứ năm cần giải quyết tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ trong quá trình sắp xếp tổ chức; ưu tiên chính sách tốt nhất theo quy định để sắp xếp đối với số cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động dôi dư khi triển khai thực hiện, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến hoạt động chung của cơ quan, đơn vị.

- Thứ sáu cần quan tâm đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới trong việc thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là tham luận về về tiếp tục thực hiện đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong 6 tháng đầu năm 2022. Cuối cùng xin kính chúc sức khỏe các đồng chí, chúc hội nghị thành công tốt đẹp./.

12. THAM LUẬN “ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BẰNG SẢN PHẨM TRONG THỰC HIỆN GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH VĨNH PHÚC”

Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII đã xác định một trong ba giải pháp đột phá của nhiệm kỳ 2020-2025 là đột phá về công tác cán bộ. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung chỉ đạo, ban hành các Nghị quyết, đề án, kế hoạch, giải pháp với quyết tâm để thực hiện mục tiêu đột phá về công tác cán bộ ngay từ đầu nhiệm kỳ.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn (100% công chức tỉnh, huyện làm nhiệm vụ chuyên môn có trình độ đại học trở lên trong đó sau đại học chiếm 45%) nhưng hiệu quả làm việc chưa tương xứng với bằng cấp, chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, số lượng người có năng lực, đội ngũ chuyên gia làm việc trong một số cơ quan chiếm tỷ trọng chưa cao. Mặc dù công tác đánh giá, xếp loại một số năm gần đây tuy có đổi mới, tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tối đa 20%, kết quả đánh giá, xếp loại dần sát với chất lượng thực nhưng chưa có các tiêu chí cụ thể hóa, mang tính định lượng nên nhiều cơ quan đánh giá, xếp loại còn cảm tính, chưa thực sự sát với kết quả thực hiện công việc được giao, kết quả đánh giá của nhiều cơ quan không chỉ ra được số cán bộ có năng lực, trình độ hạn chế, không hoàn thành nhiệm vụ để có biện pháp thực hiện chính sách cán bộ. Đồng thời, kết quả đánh giá, xếp loại cũng chưa tạo ra được động lực phấn đấu, chưa có cơ chế động viên, khuyến khích những người có trình độ, năng lực đóng góp nhiều cho sự phát triển của cơ quan.

Vì vậy công tác đánh giá, xếp loại cán bộ được Tỉnh nhìn nhận và xác định đây là khâu yếu nên giải pháp đột phá về đánh giá, xếp loại được đặt lên hàng đầu. Trước yêu cầu đó, Tỉnh đã thực hiện một số giải pháp đột phá về đánh giá, xếp loại cán bộ như sau:

Thứ nhất, ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 17 (tháng 11/2020), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thực hiện cơ chế thí điểm giao nhiệm vụ đánh giá cán bộ bằng sản phẩm từ năm 2021.

Đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh lựa chọn thí điểm giao nhiệm vụ để đánh giá bằng sản phẩm là Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Do thực hiện thí điểm nên năm 2021 thực hiện đối với 9 đồng chí Bí thư, 9 đồng chí Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc của 6 sở vì đây là người quyết định mức độ hoàn thành chức năng nhiệm vụ của tập thể cơ quan và thể hiện đúng tính gương mẫu, nêu gương theo tinh thần “trên trước, dưới sau”.

Cách thức giao nhiệm vụ: Căn cứ chức năng nhiệm vụ và đặc thù của từng cơ quan, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh lựa chọn một số nhiệm vụ có tính chất khó khăn, phức tạp, có tính chất bao quát, tổng thể, mũi nhọn và nhiệm vụ hiện đang là điểm nghẽn của ngành, của địa phương cần phải đột phá để giao nhiệm vụ cho người đứng đầu cơ quan thực hiện, tổ chức ký cam kết thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể để làm cơ sở để đánh giá, xếp loại công tác năm. Khối huyện, thành phố khoảng 25 nhiệm vụ, khối Sở, ngành từ 5 đến 10 nhiệm vụ cho mỗi cá nhân.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao thí điểm đến khi đánh giá xếp loại cuối năm 2021 phải được thể hiện bằng sản phẩm, chỉ tiêu, số lượng cụ thể và có kiểm chứng. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ được giao là căn cứ để đánh giá, xếp loại theo mức độ hoàn thành.

Đến năm 2022, Tỉnh đã nhân rộng thí điểm giao nhiệm vụ đánh giá cán bộ bằng sản phẩm đối với 9 Bí thư, Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc của 12 sở, ngành để thực hiện (số sở, ngành gấp đôi năm 2021).

Thứ hai, để thực hiện giải pháp đột phá trong công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tất cả các cơ quan đánh giá, xếp loại hàng Quý. Quy chế đánh giá của các cơ quan phải căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng, ban, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, phụ trách

Trong quá trình triển khai thực hiện, từ năm 2022, một số Giám đốc sở, ngành đã bắt đầu triển khai thực hiện giao nhiệm vụ để đánh giá cán bộ bằng sản phẩm đối với cấp trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tương tự như Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Giám đốc Sở.

Thứ ba, nhằm thúc đẩy CBCCVC nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua việc tự đào tạo, bồi dưỡng, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch để chỉ đạo tất cả các cơ quan nhà nước tổ chức tự đào tạo, bồi dưỡng và tự kiểm tra, sát hạch kiến thức chuyên môn nghiệp vụ định kỳ mỗi năm 01 lần cho công chức làm nhiệm vụ chuyên môn. Kết quả kiểm tra, sát hạch định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ này là một trong các căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức hàng năm.

Thứ tư, nhằm động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia cống hiến, tạo động lực phấn đấu, trọng dụng người có tài năng trong hoạt động công vụ thông qua sản phẩm, thành tích mà họ đã đạt được, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề HĐND tỉnh thông qua và ban

hành Nghị quyết số 06/2021 trong đó có chính sách thưởng theo thành tích mà CBCCVC đã đạt được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể, ngoài kinh phí thưởng theo quy định còn được thưởng theo các mức:

CBCCVC có các công trình, đề án, đề tài, giải pháp sáng tạo kỹ thuật, sáng kiến được cấp tỉnh xếp loại xuất sắc và được áp dụng hiệu quả, nhân rộng trong thực tiễn được tỉnh thưởng 50 triệu đồng/giải pháp, sáng kiến.

CBCCVC được tặng Huân chương hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc được tỉnh thưởng 25 triệu đồng/người.

CBCCVC được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thưởng 20 triệu đồng/người.

CBCCVC xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 3 năm liên tiếp hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được thưởng 15 triệu đồng/người.

CBCCVC có các giải pháp sáng tạo kỹ thuật, sáng kiến được cấp sở, ngành, cấp huyện xếp loại xuất sắc và được áp dụng nhân rộng trong thực tiễn được thưởng 10 triệu đồng/người.

Qua 01 năm thực hiện các giải pháp đột phá về đánh giá, xếp loại cán bộ đã chứng minh việc giao nhiệm vụ để đánh giá cán bộ có tín hiệu rất đáng mừng, một số điểm nghẽn của ngành được tháo gỡ, có những nhiệm vụ khó, phức tạp nhiều năm không thực hiện nhưng khi giao nhiệm vụ sẽ tạo động lực và một phần áp lực cần thiết cho cán bộ phải tìm tòi giải pháp, sáng tạo để thực hiện nhiệm vụ, khắc phục được tình trạng “ì”, chậm đổi mới trong tham mưu nhiệm vụ. Việc xác định mức độ đánh giá cũng dễ dàng, căn cứ các chỉ tiêu giao và mức độ hoàn thành để so sánh, lựa chọn cán bộ xứng đáng đạt mức xuất sắc nhiệm vụ. Việc áp dụng chính sách thưởng theo thành tích tạo động lực thi đua, phấn đấu và nhất là tự các cơ quan đã phải đánh giá thực chất, khách quan, có sản phẩm minh chứng cụ thể, rõ ràng tránh được tình trạng đánh giá theo cảm tính, nể nang, bình quân chủ nghĩa, kết quả đánh giá khách quan, thể hiện được tính đa chiều trong đánh giá, xếp loại.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số khó khăn như: Việc giao nhiệm vụ thí điểm đánh giá bằng sản phẩm là lần đầu tiên thực hiện nên quá trình triển khai còn nhiều vướng mắc, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện, cách hiểu ban đầu còn khác nhau. Một khó khăn nữa là việc lựa chọn nhiệm vụ giao thí điểm sao cho phải thể hiện chức năng nhiệm vụ trọng tâm, khái quát nhưng phải là nhiệm vụ mới, nhiệm vụ khó, nhiệm vụ đột phá, giải quyết được điểm nghẽn của ngành nên khó đảm bảo tương quan, công bằng giữa các cơ quan, cá nhân.

Qua một thời gian thực hiện các giải pháp đột phá về đánh giá, xếp loại bằng sản phẩm, bước đầu đã tạo ra sự thay đổi rõ rệt về **nhận thức** trong đội ngũ CBCCVV của tỉnh về đánh giá, xếp loại cán bộ mà trong thời gian qua nhiều cơ quan đều nhận xét “*còn tình trạng một số cán bộ sáng cấp ô đi, chiều cấp ô về*” nhưng đánh giá, xếp loại cuối năm vẫn không chỉ ra được số đó là ai ... thì với các giải pháp đánh giá, xếp loại cán bộ bằng sản phẩm sẽ dần tiến tới kết quả đánh giá, xếp loại phản ánh đúng thực chất.

Tuy nhiên để công tác đánh giá, xếp loại khoa học, hiệu quả, tránh rườm rà về thủ tục thì đòi hỏi sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của tất cả các cấp, các ngành. Đặc biệt Người đứng đầu cơ quan cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, căn cứ vào tính chất, mô hình hoạt động của cơ quan mình xây dựng quy chế đánh giá khoa học, chặt chẽ, công bằng, dân chủ để thực hiện đánh giá theo sản phẩm công việc hoàn thành một cách thường xuyên, liên tục, chính xác. Kết quả đánh giá, xếp loại phải được sử dụng để xây dựng kế hoạch cơ cấu lại đội ngũ hiện có cho phù hợp với năng lực, sở trường và hiệu quả của từng cán bộ, tạo điều kiện cho người có tài năng làm việc, cống hiến, phát huy hết khả năng, không để xảy ra tình trạng “chảy máu” chất xám; làm cơ sở bình chọn cá nhân tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm; quan tâm quy hoạch, bổ nhiệm các trường hợp được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên, có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Trên đây là nội dung tham luận về “*Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bằng sản phẩm trong thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Vĩnh Phúc*” của Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc.

Xin trân trọng cảm ơn./.

13. THAM LUẬN “KINH NGHIỆM SẮP XẾP, BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT DÔI DƯ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH QUẢNG NINH”

Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh

Được sự phân công của Ban tổ chức Hội nghị, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh xin được báo cáo, tham luận với nội dung: *“Kinh nghiệm sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Ninh”*.

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị. Đây là chủ trương lớn, đặt biệt quan trọng, nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước và các địa phương; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

Triển khai chỉ đạo và quy định của Trung ương, trong giai đoạn 2019 - 2021, tỉnh Quảng Ninh thực hiện sắp xếp **02** ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích (**chiếm 14,28%** tổng số ĐVHC cấp huyện) và **16** ĐVHC cấp xã (**chiếm 8,62%** tổng số ĐVHC cấp xã) theo Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau sắp xếp, tỉnh Quảng Ninh **giảm 01** ĐVHC cấp huyện và **09** ĐVHC cấp xã. Cùng với đó, tỉnh cũng chủ động triển khai rà soát, sắp xếp **230** thôn, khu phố (**chiếm 14,68%** tổng số thôn, khu phố); sau sắp xếp giảm **115** thôn, khu phố.

Mặc dù tỉnh Quảng Ninh không phải là tỉnh có số lượng ĐVHC sắp xếp lớn trong cả nước nhưng có **đặc thù riêng** trong thực hiện sắp xếp ĐVHC: (1) Tỉnh chủ động xây dựng phương án và đề xuất Trung ương cho sắp xếp **02** ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích, theo đó nhập nguyên trạng huyện Hoàn Bồ (là huyện miền núi) vào thành phố Hạ Long (là đô thị loại I) để hình thành một đô thị lớn, độc đáo, mở ra không gian phát triển mới rộng lớn với tầm nhìn dài hạn, tạo dư địa nhằm khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực, nhất là về đất đai, tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa; (2) Sáp nhập 3 xã vào 1 thị trấn (nhập 4 ĐVHC thành 1), địa bàn rộng, số CBCC cấp xã và người hoạt động không chuyên trách dôi dư lớn; (3) sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị với sự chênh lệch về điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, cách thức quản lý và điều hành hoạt động...

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Để giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp ĐVHC; Trong quá trình xây dựng Đề án,

tỉnh Quảng Ninh đã **chủ động trước một bước** chuẩn bị bài bản, kỹ càng, thận trọng; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản quan trọng như: **(1)** Phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và người lao động khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; **(2)** Ban hành chính sách hỗ trợ đối tượng chịu tác động do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã để triển khai ngay sau khi Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành¹⁰.

Một số kết quả nổi bật:

1. Việc bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ

1.1. Đối với sáp nhập huyện Hoành Bồ vào thành phố Hạ Long

a) Về sắp xếp tổ chức bộ máy: Giảm **44** đầu mỗi cơ quan, đơn vị, trong đó: Kkhôi Đảng, đoàn thể giảm 13 đầu mỗi, khối chính quyền giảm 13 đầu mỗi, các đơn vị trực thuộc giảm 07 đầu mỗi, tổ chức hội giảm 11 đầu mỗi.

b) Về bố trí đội ngũ CBCCVC

- Biên chế giao giảm **160**; bố trí giảm **63** người;
- Các chức danh lãnh đạo, quản lý: Giảm **27** ủy viên Ban Chấp hành, **09** ủy viên Ban Thường vụ, **05** lãnh đạo MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội; **32** đại biểu HĐND. Đầu nhiệm kỳ 2021-2026 bố trí số lượng lãnh đạo chủ chốt của HĐND và UBND đảm bảo đúng quy định.

- Số lượng cấp trưởng các phòng, ban và tương đương dôi dư sau sắp xếp là **22** người, đến nay tất cả đã được bố trí công việc khác phù hợp với chuyên môn. Số lượng cấp phó dôi dư là **36** người, đến nay còn dôi dư **05** người, dự kiến sẽ giải quyết hết trong năm 2023 (sớm hơn 01 năm so với quy định).

1.2. Đối với sắp xếp 16 ĐVHC cấp xã

- Về tổ chức bộ máy: Ngay sau khi có Nghị quyết về sắp xếp, tỉnh đã chỉ đạo ban hành quyết định thành lập Đảng bộ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị tại ĐVHC mới; tổ chức kỳ họp thứ nhất HĐND để kiện toàn các chức danh chủ chốt HĐND, UBND; Giữ nguyên các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; hợp nhất các Trạm y tế và giữ nguyên biên chế trước khi sắp xếp.

- Về bố trí cán bộ, công chức cấp xã: Giảm **133** CBCC và giảm **72** người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Ngoài chính sách của Trung ương, các đối tượng chịu tác động do sắp xếp, sáp nhập ĐVHC còn được hưởng chính sách riêng của tỉnh. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền vận động và ban hành chính sách kịp thời, thỏa đáng nên việc

¹⁰ Quyết định số 1919-QĐ/TU ngày 18/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019; Nghị quyết số 276/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; Nghị quyết số 330/2021/NQ-HĐND ngày 24/3/2021 về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với CBCCVC, hợp đồng và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã chịu tác động do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

sắp xếp, bố trí đội ngũ CBCCVC nhận được sự đồng thuận, toàn tỉnh không có đơn thư, kiến nghị về nội dung này.

2. Việc xử lý tài sản công; bố trí các trụ sở sau sắp xếp ĐVHC

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng phương án xử lý: Theo đó, toàn tỉnh có **674** trụ sở; bố trí sử dụng **655**; dôi dư **19** trụ sở. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện quy trình điều chuyển tài sản công theo quy định. Trước mắt tạm thời điều chuyển trụ sở dôi dư cho các cơ quan, đơn vị sử dụng để tránh lãng phí, xuống cấp, như: Bố trí làm Khu cách ly Covid-19 tập trung; nơi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; trụ sở các Trạm y tế được sử dụng làm Phân trạm, bố trí cán bộ y tế trực thường xuyên để phục vụ khám chữa bệnh cho người dân.

Ngoài ra, ngay sau khi sắp xếp ĐVHC, tỉnh ưu tiên tập trung nguồn lực trên **5.500 tỷ** đồng để đầu tư các công trình trọng điểm, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, kết nối giao thông đồng bộ, giảm khoảng cách và chênh lệch giữa các ĐVHC, đồng thời rà soát, xây dựng phương án, lộ trình đạt chuẩn tiêu chí đô thị theo quy định.

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện sắp xếp, ĐVHC, tỉnh Quảng Ninh cũng gặp một số khó khăn ban đầu, như:

- Việc xây dựng phương án, lộ trình bố trí các chức danh lãnh đạo, quản lý dôi dư, giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCCVC do việc bố trí phụ thuộc vào chỉ tiêu biên chế được giao, phù hợp với trình độ chuyên môn, vị trí việc làm và các quy định về tiếp nhận, luân chuyển, điều động. Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nên số lượng được giao tại mỗi xã, thị trấn tiếp tục giảm 01 biên chế, khó khăn cho việc bố trí số lượng CBCC cấp xã dôi dư sau sắp xếp, trong bối cảnh số lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân tăng đột biến.

- Việc xây dựng phương án xử lý, quản lý đối với các trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp còn khó khăn do quy trình, thủ tục nhiều bước, mất nhiều thời gian.

Một số khó khăn, vướng mắc trên trong giai đoạn xây dựng Đề án và bước đầu triển khai Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 đã được Tỉnh rà soát, chỉ đạo và có giải pháp khắc phục kịp thời, các ĐVHC mới đi vào hoạt động ổn định, nề nếp, nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, điều hành, góp phần thay đổi quy mô, diện mạo địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đời sống người dân được nâng lên, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Từ thực tế triển khai và kết quả đạt được trong sắp xếp ĐVHC, tỉnh Quảng Ninh rút ra một số bài học kinh nghiệm sâu sắc như sau:

- *Một là, luôn giữ vững quyết tâm chính trị trước những nhiệm vụ quan trọng, khó khăn thử thách, không trùng bước nản lòng, quyết liệt, mạnh dạn, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm; bám sát chỉ đạo của Trung ương, quy định của pháp luật,*

với cách làm khoa học, bài bản, kỹ lưỡng và sự đoàn kết đồng lòng, sự đồng thuận, tin tưởng và ủng hộ của Nhân dân là bài học tiên quyết, bảo đảm cho sự thành công trong triển khai sắp xếp ĐVHC.

- *Hai là*, luôn coi trọng, tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, chính quyền, CBCCVC và Nhân dân về chủ trương sắp xếp các ĐVHC để mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của việc sắp xếp các ĐVHC, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, tạo sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện; kiên trì tuyên truyền, vận động, thuyết phục để cử tri, Nhân dân tin tưởng và đồng thuận, ủng hộ.

- *Ba là*, rà soát và xây dựng phương án bố trí đội ngũ CBCCVC chi tiết, cụ thể đến từng đối tượng, từng đơn vị với cách làm không giới hạn trong nội bộ ĐVHC mà thực hiện trong tổng thể toàn tỉnh từ xã lên huyện, từ huyện này sang huyện khác, từ huyện lên tỉnh với phương châm bảo đảm chất lượng đội ngũ và nguyện vọng của đối tượng.

- *Bốn là*, không ngừng sáng tạo, đổi mới, vận dụng linh hoạt các quy định của Trung ương vào tình hình thực tiễn ở địa phương; chú trọng công tác hướng dẫn; làm tốt công tác tư tưởng, quan tâm giải quyết kịp thời, thỏa đáng chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBCCVC chịu tác động sau sắp xếp.

- *Năm là*, lấy người dân là trung tâm, trong quá trình triển khai thực hiện luôn quan tâm lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời có phương án, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, những phát sinh tại các ĐVHC mới sau sắp xếp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

- *Sáu là*, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phân công rõ và gắn trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị và người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; chủ động, sâu sát cơ sở, phối hợp chặt chẽ để hoàn thành mục tiêu sắp xếp ĐVHC.

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Trên đây là tham luận của tỉnh Quảng Ninh; Cuối cùng tôi xin được chúc các vị đại biểu dự Hội nghị sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

14. THAM LUẬN “CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỈNH LÀO CAI”

Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai

Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới, được tái lập tháng 10 năm 1991, có trên 182 km đường biên giới tiếp giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, với cửa khẩu quốc tế với nước bạn Trung Quốc; diện tích tự nhiên là 6.383,89 km²; Dân số toàn tỉnh là 730.420 người (năm 2019) với 25 dân tộc, trong đó: dân tộc Kinh chiếm 35,91%, còn lại là các dân tộc thiểu số như: Mông, Tày, Dao, Dáy, Nùng, Hà nhì, Phù lá... .

Đơn vị hành chính cấp huyện có 7 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố; cấp xã có 152 xã, phường, thị trấn (giảm 12 xã so với năm 2019), trong đó 70/138 xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, 26 xã, phường, thị trấn biên giới; 4 huyện thuộc danh mục 74 huyện nghèo trong cả nước;

Những thành tựu sau 30 năm tái lập tỉnh được đánh giá là khá toàn diện trên mọi lĩnh vực; vị trí, vai trò của Lào Cai trong khu vực Tây Bắc và trên hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng được khẳng định, nhiều dự án trọng điểm về công nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, các dự án chế biến sâu khoáng sản, cơ sở dịch vụ hiện đại tiếp tục được đầu tư; khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai ngày càng hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Lào Cai:

Đội ngũ cán bộ cấp xã tỉnh Lào Cai có 1530 người, trong đó cán bộ nữ có 368 người, chiếm 24,1%, cán bộ người dân tộc thiểu số có 1045 người, chiếm 68,3%. Về trình độ chuyên môn: 98,9% cán bộ xã có trình độ trung cấp trở lên, trong đó 83,8% cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học, 2,7% cán bộ xã có trình độ thạc sỹ (năm 2010, chỉ có 62% CBCC có trình độ trung cấp trở lên, trong đó có 18% cao đẳng, đại học).

Đội ngũ công chức cấp xã của tỉnh Lào Cai có 1611 người, trong đó công chức nữ có 649 người, chiếm 40,3%; công chức là người dân tộc thiểu số có 862 người, chiếm 53,5%. Về trình độ chuyên môn: 100% công chức có trình độ trung cấp trở lên, trong đó 90% công chức có trình độ cao đẳng, đại học.

I. Công tác xây dựng, ban hành quy định tiêu chuẩn cán bộ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020, Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Sở Nội vụ đã phối hợp với các sở,

ngành liên quan tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành các văn bản đề tăng cường công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tạo hành lang pháp lý để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong đó có CBCC cấp xã như:

- Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai.

- Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu HĐND và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 về việc ban hành quy định quản lý giảng viên kiêm nhiệm tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lào Cai.

- Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

II- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

1. Giai đoạn 2016 - 2020: Giai đoạn này Sở Nội vụ Lào Cai đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Chương trình, tài liệu cơ bản do Bộ Nội vụ và các bộ ngành xây dựng, ban hành; từ năm 2019 tỉnh Lào Cai bắt đầu thực hiện bồi dưỡng theo Chương trình chuyên sâu cho từng chức danh.

Để triển khai thực hiện các chương trình bồi dưỡng, Sở Nội vụ đã tham mưu cho UBND tỉnh chọn cử 46 lượt cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành và giảng viên Trường Chính trị tỉnh, Trường Cao đẳng của tỉnh đi tập huấn giảng viên nguồn do Bộ Nội vụ tổ chức. Rà soát đội ngũ giảng viên kiêm chức, xây dựng quy chế quản lý đội ngũ giảng viên kiêm chức của tỉnh làm nòng cốt để bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo chức danh, vị trí việc làm.

Kết quả giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng cho 4.580 lượt cán bộ, công chức cấp xã, trong đó đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng, đại học cho 606 người; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, quản lý nhà nước cho 3.974 lượt người. Kết quả này đã góp phần nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn trình độ đào tạo, năng lực công tác được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu hoạt động của chính quyền cơ sở, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (Toàn tỉnh đã có 51 xã đạt tiêu chí NTM).

2. Giai đoạn 2021-2025

Từ kết quả đào tạo, bồi dưỡng của giai đoạn 2016-2020, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Lào Cai đã cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo

(2,7% cán bộ trình độ thạc sỹ). Vì vậy, giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lào Cai xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ là tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản lý hành chính, về chuyên môn, nghiệp vụ cho từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã. Với định hướng đó, Sở Nội vụ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức thực hiện Đề án số 18-ĐA/TU. Theo đó, mục tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã được đặt ra là:

Trên 90% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn đại học, trung cấp lý luận chính trị trở lên. Cán bộ cấp xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải biết một thứ tiếng dân tộc thiểu số; 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý nhà nước theo vị trí, chức danh; 100% cán bộ chủ chốt cấp xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế; 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân (văn hóa công vụ); 100% đại biểu HĐND các cấp được bồi dưỡng kỹ năng hoạt động đầu nhiệm kỳ và bồi dưỡng cập nhật kiến thức hàng năm.

Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã giai đoạn 2021-2025 được xác định trọng tâm gồm:

- Tiếp tục đào tạo nâng chuẩn trình độ đại học cho CBCC cấp xã. Các chức danh cán bộ cần đào tạo đại học, chuyên ngành đào tạo đảm bảo quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Lào Cai.

- Đào tạo tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức cấp xã (khoảng 450 người). Sử dụng chương trình, tài liệu đào tạo tiếng Mông, tiếng Tày đã được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo vị trí chức danh cho 3200 cán bộ, công chức cấp xã. Kết hợp giữa bồi dưỡng theo chương trình, tài liệu cơ bản và chương trình chuyên sâu do Bộ Nội vụ và các bộ ngành xây dựng, ban hành.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế cho 825 cán bộ chủ chốt cấp xã giữ các chức danh: Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND cấp xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã.

- Bồi dưỡng văn hóa công vụ cho 3740 lượt công chức cấp xã, bồi dưỡng 02 lần/công chức/5 năm.

Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, Sở Nội vụ đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cho 140 cán bộ giữ chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND, Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND xã; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho 230 cán bộ giữ các chức danh Chủ tịch UBNDTTQ người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Ngoài ra, một số cán bộ, công chức cấp xã còn được bồi dưỡng kiến thức

quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, đáp ứng đủ điều kiện để xét chuyên thành công chức cấp huyện theo yêu cầu bố trí sử dụng CBCC ở các địa phương trong tỉnh.

III- Bài học kinh nghiệm

Một là các cấp ủy đảng, chính quyền phải quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; coi tiêu chí chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là tiêu chí ưu tiên, cần phải hoàn thành trước các tiêu chí khác (trong bộ tiêu chí NTM). Từ đó có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư về mọi mặt như: sở vật chất của hệ thống cơ sở đào tạo (Tỉnh ủy Lào Cai có Đề án đầu tư nâng cấp hệ thống trường Chính trị, TT chính trị cấp huyện); đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên; ban hành chính sách ưu tiên, hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh.

Hai là, hình thức tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho CB, CC cấp xã cần phải đa dạng phong phú, phù hợp với điều kiện của CBCC; thời lượng mỗi khóa học không kéo dài, chỉ từ 3 đến 5 ngày; tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại các huyện, cụm huyện để tạo nhiều cơ hội cho cán bộ, công chức cấp xã đi học (vừa làm vừa học).

Ba là đội ngũ giảng viên của tỉnh tham gia bồi dưỡng CB, CC cấp xã còn hạn chế về trình độ, kỹ năng, phương pháp giảng dạy. Do vậy để đảm bảo chất lượng bồi dưỡng, đơn vị tổ chức lớp (Sở Nội vụ) phải mời thêm giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở Trung ương. Phải kết hợp giữa giảng viên TW và giảng viên địa phương; kết hợp giữa giảng viên cơ hữu của các cơ sở đào tạo và giảng viên kiêm nhiệm (là các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực, là lãnh đạo tỉnh, huyện, lãnh đạo các Sở, ban, ngành); Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng học viên là chủ thể, giảng viên đóng vai trò chủ đạo, phát huy tính tích cực, chủ động, hứng thú của học viên trong học tập.

IV. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị các bộ ngành TW tăng mức phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hỗ trợ cho địa phương để thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Bộ Nội vụ và các bộ, ngành tiếp tục bổ sung các chương trình, tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho từng chức danh CBCC cấp xã; thiết kế các chương trình bồi dưỡng trực tuyến để CBCC xã có thể tham gia học tập mọi nơi, mọi lúc, tiết kiệm chi phí.

15. THAM LUẬN “ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM. NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”

Sở Nội vụ TP. Hải Phòng

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, thành phố Hải Phòng đã triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính (CCHC). Những kết quả đạt được trong công tác CCHC đã tác động tích cực vào hoạt động quản lý điều hành, nâng cao một bước hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền; góp phần tăng trưởng kinh tế thành phố và giúp môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều tiến bộ vượt bậc.

Thứ nhất về công tác chỉ đạo, điều hành: Đây là nội dung mà thành phố Hải Phòng nhận thấy đạt kết quả rõ nét nhất trong công tác CCHC của thành phố. Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố có nhiều đổi mới, quyết liệt, linh hoạt trong công tác chỉ đạo điều hành thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với thực hiện “*mục tiêu kép*”, vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19 bùng phát khắp cả nước, Hải Phòng là một trong số rất ít các tỉnh, thành phố không có F0 trong một thời gian dài. Trong 06 tháng đầu năm 2022, Hải Phòng có trên 315.0000 ca mắc COVID-19. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, thành phố đã tập trung cao nhất nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch, đưa ra nhiều giải pháp tối ưu, phối hợp chặt chẽ với các sở ngành địa phương để hạn chế thấp nhất số ca chuyển nặng, tử vong do dịch (*tỷ lệ tử vong của Hải Phòng thấp nhất cả nước với 156 ca, chiếm tỷ lệ 0.04%*). Dịch đã cơ bản được kiểm soát ngay trong 3 tháng đầu năm 2022, tạo điều kiện mở cửa hoàn toàn phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, thành phố tập trung hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19. Do đó, các hoạt động kinh tế- xã hội, văn hoá- chính trị, du lịch- thương mại... đã khôi phục và phát triển mạnh mẽ. Hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành của thành phố trong thực hiện “*mục tiêu kép*” đã khiến các nhà đầu tư tin tưởng, lựa chọn Hải Phòng là nơi đầu tư kinh doanh. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng (GRDP) đạt 12,38% (cao nhất cả nước và cao gấp 5 lần mức trung bình chung); thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều nhất với tổng số vốn là 5,2 tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm 2022, thành phố vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng: Tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 11,1% cao nhất trong 05 thành phố trực thuộc Trung ương; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 75.369 tỷ đồng, thu hút 981,61 triệu USD vốn đầu tư nước ngoài.

Trong những năm trở lại đây, thành phố đã thực hiện đánh giá và công bố Chỉ số CCHC; Chỉ số hài lòng; Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, quận huyện và ban hành Bộ Chỉ số CCHC cấp xã. Việc đánh giá các chỉ số trên đều được thực hiện bằng phần mềm, riêng đo lường sự hài lòng được thực hiện theo phương pháp khảo sát thời gian thực. Trong kỳ đánh giá năm 2021, các chỉ số đều có sự gia tăng

điểm giá trị tuyệt đối, đặc biệt Chi số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 93,38% thể hiện mức hài lòng rất cao đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng.

Thứ hai, Hải Phòng thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy; quản lý biên chế chặt chẽ, thực hiện tốt tinh giản biên chế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho đơn vị, địa phương

- Thành phố Hải Phòng là một trong những địa phương đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương thí điểm của Trung ương trong hoạt động sắp xếp tổ chức bộ máy: đến nay, đã giảm tổng số 105 đơn vị, đạt tỷ lệ giảm 10,41% so với thời điểm 2015, vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW. Thực hiện các Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; 108/2020/NĐ-CP; 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, thành phố đang sắp xếp giảm 05 phòng chuyên môn thuộc sở, ngành; 02 chi cục; 20 phòng chuyên môn thuộc Chi cục và tương đương; 02 phòng chuyên môn thuộc UBND quận, huyện và 119 đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc phân cấp, ủy quyền cho đơn vị, địa phương đã được thành phố quan tâm thực hiện, đặc biệt ở các lĩnh vực quan trọng như: đất đai, quy hoạch, đầu tư, ngân sách nhà nước... Trong giai đoạn 2016 - 2022, UBND thành phố đã ban hành 26 văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp quản lý nhà nước. Việc tăng cường phân cấp đã tạo sự chủ động, sáng tạo trong giải quyết công việc, giảm thời gian hội họp, xin ý kiến cấp trên, hạn chế cơ chế xin - cho; góp phần khai thác, sử dụng tốt các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ ba, việc xây dựng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng.

- Xác định tuyển dụng công chức là khâu quan trọng để xây dựng đội ngũ công chức, Hải Phòng là địa phương đầu tiên trong cả nước đã tổ chức kỳ tuyển công chức trên máy vi tính và thực hiện phỏng vấn khi tuyển dụng (*Lãnh đạo UBND thành phố trực tiếp phỏng vấn*). Việc tuyển dụng cũng như thi nâng ngạch công khai, minh bạch nên được sự đồng tình, ủng hộ của dư luận. Trong 6 tháng đầu năm 2022, thành phố đã hoàn thành 01 kỳ tuyển dụng công chức, 01 kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính, 01 kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp Y tế, 02 kỳ khắc phục sai phạm trong tuyển dụng theo Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư.

- Lãnh đạo UBND thành phố trực tiếp chủ trì các đoàn kiểm tra đột xuất việc thực thi công vụ tại các đơn vị, từ thành phố đến các cấp xã để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm thời gian làm việc, tạo nên nếp thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc (*trong 6 tháng đầu năm đã kiểm tra đột xuất 12 đơn vị. Qua kiểm tra cho thấy về cơ bản các cơ quan thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương công vụ*).

- Thành phố thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương về quản lý biên chế. Số lượng biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trong những năm qua luôn thấp hơn số biên chế Bộ Nội vụ phân

bỏ: đến nay đã giảm 327 biên chế công chức, tương ứng tỷ lệ 10% biên chế công chức giao năm 2015; 4.445 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp, tương ứng tỷ lệ tinh giản biên chế 11,82% so với số người làm việc năm 2015 (cao hơn tỷ lệ tối thiểu theo quy định là 1,82%).

Thứ tư, thành phố quyết liệt thực hiện chuyển đổi số để tạo bước đột phá trong công tác CCHC

Trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng nhiều, biên chế ngày càng giảm nên thành phố xác định ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số là yêu cầu tất yếu. Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Nghị quyết, Chương trình hành động để thực hiện Chuyển đổi số, thể hiện quyết tâm chính trị rất cao trong thực hiện chuyển đổi số. Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố, Phó Chủ tịch UBND thành phố thường xuyên chủ trì các cuộc hội thảo, họp giao ban về chuyển đổi số. Thành phố cũng đã xin Trung ương tăng cường Cục trưởng Cục Viễn thông – Bộ Thông tin và truyền thông về làm Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách công tác chuyển đổi số.

- UBND thành phố đã triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử; triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Thành phố đã thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử; kết nối liên thông tới cả 3 cấp chính quyền, cung cấp 1.232 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; trong đó tích hợp, cung cấp 677 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phố đã ra mắt mô hình thử nghiệm Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC); triển khai giải pháp Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tại Trung tâm dữ liệu thành phố; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo điện tử; Hệ thống Hội nghị truyền hình từ thành phố kết nối đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố.

Thứ năm, tăng cường cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, qua đó đã tạo sự chuyển biến rõ nét, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính so với quy định được chỉ đạo quyết liệt, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cụ thể như: *Rút ngắn thời gian tối đa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xuống dưới 1,5 ngày làm việc; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư trong nước giảm trên 60%, đối với dự án đầu tư nước ngoài giảm khoảng 30%...*

- Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cũng được đẩy mạnh, trong đó tập trung vào các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: *hiện nay, thành phố đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới và thay đổi qua mạng chiếm tỷ lệ 100% số hồ sơ; 100% doanh nghiệp khai thuế điện tử, trên 99% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử và thực hiện hoàn thuế điện tử cho 100% doanh nghiệp; đã triển khai hóa đơn điện tử đối 96,4% số lượng tổ chức, doanh nghiệp thuộc diện phải triển khai đến hết ngày 30/06/2022; 100% doanh*

nghiệp sử dụng chữ ký số trong kê khai thuế và hải quan điện tử; doanh nghiệp kê khai thu nộp BHXH, BHYT, BHTN qua giao dịch điện tử đạt 98,02%.

- Các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố đã ký cam kết công khai trước doanh nghiệp những nội dung hỗ trợ và cải cách về: chủ động liên lạc với doanh nghiệp để hướng dẫn chi tiết hồ sơ nếu chưa phù hợp, cam kết giảm thời gian giải quyết nhiều thủ tục xuống còn một nửa so với quy định của Trung ương. Sở Giao thông và Vận tải triển khai có hiệu quả mô hình hợp tác với Bưu điện thành phố để tiếp nhận dịch vụ bưu chính công ích, có nhiều sáng kiến để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, các vị đại biểu!

Trong 6 tháng cuối năm 2022, Sở Nội vụ sẽ tiếp tục cùng với các sở, ban ngành, địa phương, đơn vị tham mưu cho UBND thành phố thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ CCHC theo Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó, thành phố xác định chuyển đổi số là giải pháp trọng tâm và nền tảng, cốt lõi. Thành phố đặt ra mục tiêu đạt top 10 cả nước về Chỉ số chuyển đổi số năm 2022.

Bên cạnh đó, Sở Nội vụ tham mưu cho UBND thành phố tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chấm điểm Chỉ số CCHC; thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với dịch vụ công (*dự kiến mở rộng đo lường đối với các dịch vụ sự nghiệp công, trước mắt là dịch vụ y tế công*); kiểm tra, hướng dẫn cơ sở thực hiện công tác CCHC, cũng như kiểm tra kỷ luật, kỷ cương công vụ.

Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nội vụ, và sự hướng dẫn, hỗ trợ của Vụ Cải cách hành chính và các vụ, các đơn vị thuộc Bộ.

Xin kính chúc đ/c Bộ trưởng, các đồng chí lãnh đạo và quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

16. THAM LUẬN “BÌNH PHƯỚC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÀI LIỆU LƯU TRỮ QUA HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM, TRUNG BÀY TÀI LIỆU LƯU TRỮ LỊCH SỬ”

Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ. Bởi tài liệu lưu trữ là di sản của dân tộc, có giá trị đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, việc bảo quản, sử dụng và phát huy có hiệu quả tài liệu lưu trữ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, lịch sử của mỗi địa phương và của Quốc gia. Sau khi nước nhà giành độc lập, Người đã ra Sắc lệnh thành lập Nha Lưu trữ Công văn và Thư viện toàn quốc; ký Thông đạt số 01-C/VP ngày 03/01/1946 gửi các Bộ trưởng, khẳng định “Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết Quốc gia...”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng đối với công tác lưu trữ Việt Nam, đây là căn cứ pháp lý quan trọng để Đảng và Nhà nước có những chủ trương, chính sách nhằm giữ gìn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tỉnh Bình Phước là một trong những địa bàn diễn ra nhiều trận chiến ác liệt giữa ta và địch. Mặc dù vậy, Bình Phước vừa được xem là đại bản doanh, với cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến; vừa là đầu mối, là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam. Những chiến thắng của quân và dân Bình Phước đã đi vào lịch sử quân sự Việt Nam với các chiến công chói lọi và những địa danh không thể nào quên. Trong thời điểm quyết định của cuộc chiến (1974-1975), được sự chi viện của Trung ương và Miền, quân và dân Bình Phước đã tấn công giải phóng hoàn toàn huyện Bù Đăng vào ngày 14/12/1974; ngày 26/12/1974 giải phóng Đồng Xoài; ngày 31/12/1974 giải phóng Chi khu quận lỵ Phước Bình và đến ngày 06/01/1975 tấn công giải phóng hoàn toàn tỉnh lỵ Phước Long. Chiến thắng Phước Long có ý nghĩa chiến lược quan trọng, lần đầu tiên một tỉnh của miền Nam được hoàn toàn giải phóng, là một đòn trinh sát chiến lược, tạo tiền đề cho Trung ương hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian sớm nhất. Ngày 23/3/1975 trung tâm tỉnh lỵ An Lộc (Bình Long) được giải phóng. Ngày 02/4/1975, huyện Chơn Thành là địa phương cuối cùng của tỉnh Bình Long hoàn toàn giải phóng, góp phần cùng quân và dân các tỉnh miền Nam và các binh đoàn quân chủ lực tiến về giải phóng Sài Gòn vào ngày 30/4/1975, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Với bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng hào hùng như vậy nhưng thật thiếu sót khi có đến hơn 1.700m giá tài liệu đang được lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh lại không có tài liệu lưu trữ về quá trình hình thành, đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của quân và dân tỉnh Bình Phước (*chỉ có tài liệu hành chính được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh từ năm 1997 đến nay*). Nhận thấy tầm quan trọng của khối tài liệu này vừa là kho kiến thức, vừa là những tài liệu có giá trị giáo dục truyền thống, lòng tự hào dân tộc cho thế hệ ngày nay và mai sau, UBND tỉnh đã giao Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh tổ chức sưu

tâm, thu thập khối tài liệu nói trên từ các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia; Lưu trữ lịch sử các tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Sau 5 năm, Chi cục Văn thư – Lưu trữ đã sưu tầm được nhiều tài liệu và nhiều hình ảnh có giá trị về quá trình hình thành, đấu tranh, xây dựng và bảo vệ quê hương của quân và dân Bình Phước từ thời nhà Nguyễn đến nay.

Với khối tài liệu đã thu thập được, Chi cục Văn thư – Lưu trữ đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức 2 cuộc triển lãm:

1. Năm 2016:

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức trưng bày, triển lãm chủ đề: “Lịch sử Bình Phước qua tài liệu lưu trữ”. Tất cả những tài liệu, hình ảnh, hiện vật, di khảo cổ và sách đưa ra trưng bày, triển lãm lần này là những tài liệu được phép đưa ra công bố rộng rãi. Bao gồm:

- **Về tài liệu, hình ảnh:** Sở Nội vụ đã phối hợp với Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tổ chức lựa chọn được trên 130 tài liệu và hình ảnh bao gồm các văn bản, mộc bản, hình ảnh, bản đồ từ năm 1698 đến nay liên quan đến địa giới hành chính và các sự kiện chính trị, các mốc lịch sử liên quan đến tỉnh Bình Phước hiện nay.

- **Về sách:** Sở Nội vụ đã sưu tầm, thu thập được 32 đầu sách liên quan đến lịch sử tỉnh Bình Phước qua các thời kỳ.

- **Về di khảo cổ và hiện vật:** Có trên 40 di khảo cổ và hiện vật được đưa ra trưng bày, triển lãm lần này.

- Về bộ cục triển lãm gồm 5 phần:

Phần 1: Giới thiệu tổng quan về lịch sử hình thành tỉnh Bình Phước qua các thời kỳ, từ thời nhà Nguyễn đến nay.

Phần 2: Bình Phước qua cuộc kháng chiến chống Pháp.

Phần 3: Bình Phước qua cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Phần 4: Bình Phước xây dựng và phát triển, từ sau ngày giải phóng 23/3/1975 đến nay.

Phần 5: Giới thiệu về một số di tích và danh lam thắng cảnh tỉnh Bình Phước.

- Kết quả cuộc triển lãm:

Ngày 25/4/2016, Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh Bình Phước đã tham mưu UBND tỉnh long trọng tổ chức Lễ khai mạc vào lúc 8 giờ sáng tại trụ sở làm việc của Chi cục Văn thư - Lưu trữ theo đúng Kế hoạch, tại lễ khai mạc đã thu hút khoảng 300 người tham dự gồm Lãnh đạo các sở, ban ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, UBND và Phòng Nội vụ các huyện thị, Chi cục Văn thư - Lưu trữ các tỉnh Đắk Nông, Tây Ninh, Bình Dương, cùng đông đảo người dân trên địa bàn tỉnh và các phóng viên báo, đài đến đưa tin, tuyên truyền về triển lãm. Tại triển lãm trưng bày hơn 200 đầu tài liệu gốc, cùng nhiều hình ảnh và hiện vật về tiến trình lịch sử tỉnh Bình Phước từ cách nay hơn 300 năm.

Trong suốt 5 ngày diễn ra triển lãm (từ ngày 25/4 đến ngày 29/4/2016), Chi cục Văn thư Lưu trữ (Sở Nội vụ) đã tiếp đón khoảng hơn 1.200 lượt khách đến tham quan triển lãm. Trong đó, học sinh sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh hơn 500 lượt; cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang Công an, Quân sự khoảng 300 lượt; cán bộ công chức, viên chức khoảng hơn 200 người và người dân khoảng 200 lượt người. Hầu hết các đơn vị và khách tham quan triển lãm đều rất hài lòng về quy mô và chủ đề và nội dung của triển lãm. Thông qua đợt triển lãm khách tham quan được tiếp cận những tài liệu lần đầu tiên công bố và cũng hiểu rõ hơn nữa về quá trình hình thành, đấu tranh bảo vệ quê hương của quân và dân Bình Phước qua các cuộc kháng chiến.

2. Năm 2020:

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức trưng bày, triển lãm chủ đề: “Bình Phước kháng chiến, kiến quốc 1954-1975”. Tất cả những tài liệu, hình ảnh, hiện vật, di khảo cổ và sách đưa ra trưng bày, triển lãm lần này là những tài liệu được phép đưa ra công bố rộng rãi. Bao gồm:

- Về tài liệu, hình ảnh:

Triển lãm đã trưng bày hơn 300 tài liệu, hình ảnh về công cuộc kháng chiến, kiến quốc của Đảng bộ, chính quyền và quân dân Bình Phước giai đoạn 1954-1975, những tài liệu này minh chứng cho sự anh dũng, kiên cường đấu tranh giải phóng quê hương, góp phần cùng cả nước làm nên thắng lợi vẻ vang của công cuộc kháng chiến cứu nước và một số hình ảnh nổi bật về thành tựu phát triển và hoạt động của các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1997-2020.

- Số lượng tài liệu trưng bày:

Gồm 60 pano với trên 300 tài liệu, hình ảnh. Triển lãm trên pano ngoài trời, đảm bảo chịu tác động của môi trường khí hậu, tiện cho việc di chuyển trưng bày và phục vụ nhu cầu tham quan của công chúng vào ban đêm. Pano thiết kế kích thước 2,4m x 2,2m; khung xương sắt hộp; in chất liệu hiflex, ...; đèn led chiếu sáng ban đêm.

- Về bố cục triển lãm gồm 3 phần:

Phần 1: Tổ chức chiến trường Bình Phước 1954-1975.

Phần 2: Bình Phước kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Phần 3: Đảng bộ và nhân dân Bình Phước xây dựng quê hương “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

- Kết quả:

Ngày 29/09/2020, UBND tỉnh đã long trọng tổ chức Lễ khai mạc vào lúc 8 giờ sáng tại Di tích lịch sử Quốc gia Địa điểm chiến thắng Đồng Xoài theo đúng Kế hoạch. tại Lễ khai mạc đã thu hút hơn 200 người tham dự gồm: Nguyên Bí thư tỉnh ủy Nguyễn Hữu Luật, Nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Bùi Huy Thống, Chủ tịch UBND tỉnh Trần Tuệ Hiền, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Tuyết Minh, Phó Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước Đỗ Văn Thuận, Phó Giám đốc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II Phạm Ngọc Hưng, Lãnh đạo các sở, ban ngành, các cơ quan Đảng, đoàn

thể, UBND và Phòng Nội vụ, Nội vụ-LĐ, TBXH các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ các tỉnh: Đắk Lắk, Tây Ninh, Bình Dương, Long An, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh, các doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực lưu trữ ... cùng đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh và nhiều phóng viên báo, đài đến đưa tin, tuyên truyền về triển lãm.

- Trong suốt 10 ngày diễn ra triển lãm (từ ngày 29/09 đến ngày 08/10/2020), Chi cục Văn thư - Lưu trữ (Sở Nội vụ) đã tiếp đón khoảng 3.000 lượt khách đến tham quan triển lãm, gồm: Học sinh sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh; cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang; cán bộ, công chức, viên chức và rất nhiều người dân trên địa bàn tỉnh.

*** *Đánh giá chung:***

- Nội dung tư liệu trưng bày tại 2 cuộc triển lãm được các cấp lãnh đạo, khách tham quan, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, các cơ quan báo chí ... đánh giá cao về tính quy mô, tài liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu và học tập. Những bản đồ, tư liệu, hình ảnh được trưng bày, bố trí rất sinh động, khoa học, hợp lý, có thuyết minh, hướng dẫn giúp khách tham quan có điều kiện được trực tiếp đến tìm hiểu, tham quan, có thêm cái nhìn cụ thể, khách quan hơn về các nguồn tư liệu lịch sử quý báu của ngành Lưu trữ nói chung và của Lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Phước nói riêng.

- Học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, sau khi tham quan triển lãm đã rất đánh giá cao về giá trị tài liệu triển lãm và nhận định Ban Tổ chức đã “sưu tầm và lưu trữ được những tư liệu lịch sử về quê hương Bình Phước phong phú và giá trị như thế”.

- Công tác đón tiếp, phục vụ khách tham quan được thực hiện chu đáo, tận tình; công tác bảo vệ an ninh trật tự; phòng, chống dịch bệnh Covid-19; phòng, chống cháy nổ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, tài sản của khách đến tham quan trong suốt thời gian diễn ra triển lãm.

*** *Những thuận lợi trong quá trình tổ chức triển lãm:***

- Lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Lãnh đạo UBND tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công việc, cụ thể đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo Sở Nội vụ và các ngành có liên quan trong việc tổ chức thực hiện.

- Lãnh đạo Sở Nội vụ rất quan tâm việc tổ chức thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, đã chỉ đạo Chi cục Văn thư - Lưu trữ tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp đỡ trong việc thu thập tài liệu, hình ảnh và trực tiếp tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

- Có sự hỗ trợ rất tích cực của các Trung tâm Lưu trữ Quốc, Bảo Tàng tỉnh.

- Các sở, ngành ở tỉnh và UBND các huyện, thị xã đã hỗ trợ Sở Nội vụ rất nhiều trong việc sưu tầm, bổ sung một số hiện vật, hình ảnh phục vụ triển lãm đặc biệt là Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

- Sự hỗ trợ thông tin của Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, Đài Truyền thanh các xã, phường, thị trấn đã góp phần tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh tới tham quan, tìm hiểu trong suốt thời gian diễn ra triển lãm.

*** Hạn chế, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện:**

- Bình Phước là tỉnh mới được tái lập ngày 01/01/1997. Do đó, tài liệu về lịch sử quá trình hình thành, phát triển không có lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh mà nằm ở các TT.LTQG và nhiều nơi khác. Vì vậy, việc sưu tầm, thu thập gặp nhiều khó khăn trong việc xác định nguồn lưu tài liệu.

- Cuộc triển lãm năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên trong quá trình tổ chức thực hiện phải thay đổi nhiều lần thời gian tổ chức Lễ Khai mạc, thành phần khách mời tham dự triển lãm cũng hạn chế, ...

- Đội ngũ CCVC của Chi cục chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức các cuộc trưng bày, giới thiệu tài liệu lưu trữ nên trong quá trình tổ chức thực hiện còn gặp nhiều lúng túng.

- Do ngân sách tỉnh còn khó khăn nên kinh phí cấp cho hoạt động lưu trữ nói chung và hoạt động phát huy giá trị tài liệu lưu trữ lịch sử còn hạn chế.

*** Đề xuất:**

- Tài liệu lưu trữ lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, lịch sử của mỗi địa phương và của Quốc gia. Vì vậy, kính đề nghị Cục Văn thư và LTNN tăng cường công tác chỉ đạo cũng như công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức đối với các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân để họ hiểu được giá trị quan trọng của tài liệu lưu trữ.

- Cục Văn thư và LTNN mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức triển lãm cho CCVC ngành VTLT để việc tổ chức các cuộc triển lãm, giới thiệu tài liệu lưu trữ được bài bản, chuyên nghiệp hơn.

- Nhà nước cần đầu tư nguồn ngân sách phụ hợp cho hoạt động lưu trữ nói chung và hoạt động phát huy giá trị tài liệu nói riêng.

Trên đây là tham luận “Bình Phước đẩy mạnh công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ qua hoạt động triển lãm, trưng bày tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh”

Cuối cùng. Xin gửi tới các Quý Lãnh đạo cùng toàn thể quý vị đại biểu lời chúc sức khoẻ, hạnh phúc, chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

17. THAM LUẬN “THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI”

Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi được tái lập năm 1989 từ tỉnh Nghĩa Bình (cũ). Hiện nay dân số 1,24 triệu người, 13 đơn vị hành chính cấp huyện, 173 đơn vị hành chính cấp xã. Tỉnh Quảng Ngãi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, có Cảng biển nước sâu Dung Quất là đầu mối tiếp cận với các nước trong khu vực Đông Nam Á, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú,... Với điều kiện và vị trí này, tỉnh Quảng Ngãi đang tiếp tục phát triển ngày càng bền vững.

Trong quá trình phát triển, các cơ quan, tổ chức của tỉnh Quảng Ngãi đã sản sinh hệ thống tài liệu lưu trữ vô cùng quý giá, ghi lại toàn bộ tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Khối tài liệu lưu trữ này có giá trị và tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc nói chung và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà nói riêng.

Để phát huy giá trị và tầm quan trọng đặc biệt, tài liệu lưu trữ phải được chỉnh lý khoa học, bảo quản an toàn và phục vụ sử dụng đúng mục đích, kịp thời. Như vậy, hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ là một trong những nhiệm vụ của ngành lưu trữ.

Từ nhiều năm qua, để tổ chức thực hiện hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều đề án, kế hoạch, quy định về chỉnh lý tài liệu lưu trữ¹¹: Đề án chỉnh lý khoa học, bảo quản an toàn; định mức chỉnh lý; đồng thời trực tiếp ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định, quy trình chỉnh lý; ... Qua đó đã tạo hành lang pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng trong chỉnh lý tài liệu.

Hàng năm, các cơ quan, tổ chức của tỉnh Quảng Ngãi đầu tư kinh phí cho việc chỉnh lý, bảo quản tài liệu lưu trữ; kết quả hàng ngàn mét tài liệu tồn đọng được chỉnh lý khoa học, được xây dựng cơ sở dữ liệu (*cơ sở dữ liệu: phong, mục lục hồ sơ, mục lục văn bản, văn bản số hóa*); qua đó thuận lợi cho việc bảo quản an toàn, tổ chức phục vụ sử dụng hiệu quả, hủy tài liệu hết giá trị, giải phóng kho tàng.

Khi nói đến hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ của tỉnh Quảng Ngãi, đầu tiên phải nói đến Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh. Đây là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi (*tiền thân là Trung tâm Lưu trữ trực thuộc Văn*

¹¹ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 25/10/2007 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thu thập, chỉnh lý khoa học và bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 - 2010; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch ngành Văn thư, Lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức chỉnh lý tài liệu lưu trữ giấy; Công văn số 796/SNV-CCVTLT ngày 28/5/2014 của Sở Nội vụ về ban hành Bảng thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của UBND cấp huyện; Công văn số 202/SNV-CCVTLT ngày 07/02/2017 của Sở Nội vụ về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh và Công văn số 2069/SNV-CCVTLT ngày 15/9/2021 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện các quy định trong chỉnh lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ giấy.

phòng UBND tỉnh được thành lập năm 1998). Hàng năm, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức để giải quyết khoảng ngàn mét tài liệu lưu trữ tồn đọng và hỗ trợ nghiệp vụ chuyên sâu. Để quản lý, điều hành hoạt động chính lý tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh đã ban hành nhiều quy định, quy trình, hướng dẫn, định mức trong nội bộ như: (1) định mức sản phẩm từng phần việc (*phân loại, lập hồ sơ, sắp xếp văn bản trong hồ sơ, đánh số tờ, nhập mục lục hồ sơ, nhập mục lục văn bản, kiểm tra chính tả cơ sở dữ liệu...*) cho từng loại hình tài liệu, (2) định mức khoán sản phẩm trong và ngoài giờ hành chính, (3) quản lý và chính lý tài liệu có độ mật, (4) cam kết thực hiện bảo vệ bí mật Nhà nước đối với từng nhân viên, (5) quản lý vật dụng và thiết bị trong chính lý, (6) sổ theo dõi tiến độ chính lý của tập thể nhóm và cá nhân, (7) bảng theo dõi hoạt động chính lý hàng năm của Trung tâm, (8) bảng theo dõi tiến độ chính lý của từng cơ quan, (9) hướng dẫn cập nhật cơ sở dữ liệu, (10) quy trình nghiệm thu chất lượng,... Tất cả các văn bản này đều cụ thể nên rất dễ dàng vận dụng, thực hiện. Qua đó đã hỗ trợ Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và nghiệm thu kết quả hoạt động chính lý đúng quy định.

Đặc biệt, trong hoạt động chính lý, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh đặt mục tiêu phải “khôi phục hồ sơ công việc” đúng với quá trình phát sinh, giải quyết, kết thúc công việc. Vì vậy, hồ sơ đảm bảo chất lượng, thuận lợi trong việc thu thập, quản lý, bảo quản và phục vụ nghiên cứu tại Lưu trữ lịch sử tỉnh và Lưu trữ các cơ quan. Đối với “hồ sơ, tài liệu hết giá trị” được thống kê thành “Danh mục tài liệu hết giá trị từng năm”, trong đó ghi rõ vị trí trùng thừa từng văn bản và lý do xác định hồ sơ hết giá trị (*kèm các điều, khoản, điểm quy định không giá trị, hết giá trị*). Vì vậy, đã hỗ trợ Hội đồng xác định giá trị tài liệu các cơ quan và Sở Nội vụ trong việc thẩm tra, quyết định hủy tài liệu hết giá trị. Bên cạnh đó, tập thể viên chức, người lao động của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi luôn nỗ lực phấn đấu, chấp hành nghiêm các quy định, quy chế, đoàn kết và hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ.

Những năm gần đây, cùng với chủ trương về xã hội hóa hoạt động dịch vụ lưu trữ. Một số tổ chức, doanh nghiệp ngoài tỉnh đã tích cực tham gia hoạt động chính lý tài liệu lưu trữ tại tỉnh Quảng Ngãi, qua đó đã cùng tỉnh giải quyết tình trạng tài liệu lưu trữ tồn đọng.

Kết quả với hoạt động chính lý tài liệu lưu trữ trên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi và các tổ chức, doanh nghiệp đã chính lý hoàn chỉnh gần 21.000 mét tài liệu tồn đọng¹², đồng thời kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ¹³; thẩm tra và hoàn thành thủ tục hủy 1.529 mét tài liệu hết giá trị¹⁴. Để đạt được kết quả này, trước tiên là có sự quan tâm của UBND tỉnh Quảng Ngãi, sự chỉ đạo sâu sát của Sở Nội vụ; sự phối hợp của Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

¹² Cơ quan cấp tỉnh: 10.605 mét; cơ quan cấp huyện: 9.576 mét tài liệu; cấp xã: 437 mét tài liệu.

¹³ Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ là 388.559 MB (*cơ quan cấp tỉnh: 148.631MB; cơ quan cấp huyện: 135.179 MB, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh: 104.749 MB*).

¹⁴ Thẩm tra và hoàn thành thủ tục tiêu hủy tài liệu hết giá trị của 46 cơ quan (*gồm 32 cơ quan cấp tỉnh, 14 cơ quan cấp huyện*).

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ của tỉnh Quảng Ngãi còn một số tồn tại như sau:

- Cũng như nhiều tỉnh, thành trên cả nước, tỉnh Quảng Ngãi có lượng tài liệu lưu trữ tồn đọng khá lớn¹⁵ Trong thời gian ngắn, nếu đồng loạt giải quyết thì chắc chắn chất lượng của việc chỉnh lý tài liệu không đảm bảo. Do vậy, để giải quyết tình trạng này, bên cạnh việc chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ vào Lưu trữ cơ quan. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục lập kế hoạch chỉnh lý tài liệu lưu trữ với thời gian, lộ trình, phương pháp phù hợp tình hình thực tế.

- Hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ giấy thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 283/VTLTNN-NVTW ngày 19/5/2004 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước về việc ban hành bản hướng dẫn chỉnh lý tài liệu hành chính, Quyết định số 128/QĐ-VTLTNN ngày 01/6/2009 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước ban hành quy trình chỉnh lý tài liệu giấy theo TCVN ISO 9001: 2000; Thông tư số 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu giấy. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin và sự chuyển dịch từ văn thư, lưu trữ truyền thống sang văn thư, lưu trữ điện tử, nên nhiều điều khoản quy định, hướng dẫn trong các văn bản trên không còn phù hợp. Nên trong quá trình chỉnh lý tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi đã nghiên cứu, ban hành một số hướng dẫn riêng vừa để thực hiện thống nhất, vừa tính toán đón đầu quy định mới của cơ quan có thẩm quyền nhằm hạn chế tối thiểu việc phải điều chỉnh lại sau này.

- Tại Quảng Ngãi, qua kết quả thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Do mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, năng lực hạn chế của người hành nghề nên một số tổ chức, doanh nghiệp đã bỏ bớt và thực hiện không đúng các bước trong quy trình chỉnh lý. Vì vậy chất lượng hồ sơ, tài liệu không đảm bảo, ảnh hưởng đến việc thu thập tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử và ảnh hưởng đến việc thẩm tra, quyết định hủy tài liệu hết giá trị¹⁶. Trước tình trạng này, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 2069/SNV-CCVTLT ngày 15/9/2021 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện các quy định trong chỉnh lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ giấy.

Xuất phát từ tình hình thực tế, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước tham mưu Bộ Nội vụ một số nội dung sau:

- Tiếp tục hướng dẫn thực hiện giải quyết dứt điểm tình trạng tài liệu lưu trữ giấy tồn đọng bằng những đề án, kế hoạch (*cụ thể: đảm bảo thời gian, lộ trình chỉnh lý phù hợp với nguồn kinh phí, nguồn nhân lực; đảm bảo giải quyết số lượng tài liệu tồn đọng phù hợp với quy trình, định mức, ngày công chỉnh lý*).

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về hoạt động chỉnh lý tài liệu lưu trữ; *cụ thể: (1) quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; quy định trách*

¹⁶ Văn phòng UBND huyện Ba Tơ, UBND huyện Trà Bồng, UBND huyện Tư Nghĩa, Kho bạc huyện Tư Nghĩa, Chi cục thuế huyện Mộ Đức, Chi cục Thuế Khu vực Quảng Ngãi - Sơn Tịnh.

nhệm của cơ quan chủ sở hữu tài liệu; quy định trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chính lý; mối quan hệ trách nhiệm của 03 tổ chức này cần rõ ràng, chặt chẽ; (2) quy định cụ thể quy trình, phương pháp thanh tra, kiểm tra của Sở Nội vụ; đồng thời, quy định các chế tài cụ thể để xử lý hoặc bồi thường với những hành vi vi phạm hoặc thất thoát kinh phí; (3) quy định về năng lực (*các cấp độ năng lực*) của doanh nghiệp và năng lực (*các cấp độ năng lực*) của cá nhân hành nghề; (4) quy định quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật chính lý các loại hình tài liệu (*tài liệu hành chính; tài liệu xây dựng cơ bản; tài liệu khoa học kỹ thuật; tài liệu ghi âm, ghi hình*); (5) quy định về giám sát, nghiệm thu kết quả hoạt động chính lý... Các quy định này càng cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ sẽ là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề về chính lý tài liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ, các tổ chức, doanh nghiệp về lưu trữ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

Trên đây là chia sẻ của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về chuyên đề “Thực tiễn hoạt động chính lý tài liệu lưu trữ của tỉnh Quảng Ngãi” với tinh thần trao đổi, học hỏi./.

18. THAM LUẬN “CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG”

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)

Như chúng ta đã biết, mục tiêu chung của cải cách hành chính nhà nước nhằm tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nhận thức được tầm quan trọng của cải cách hành chính nhà nước, trong thời qua, Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương luôn coi trọng việc chỉ đạo, điều hành và thường xuyên quán triệt thực hiện nhiệm vụ CCHC, kết quả cụ thể được thể hiện ở các nội dung sau:

*** Về cải cách thể chế:**

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm do Bộ Nội vụ giao, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tham mưu xây dựng và hoàn thành Dự án luật (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013,), 03 Nghị định, 01 Đề án trình Bộ Chính trị, 01 Đề án trình Chính phủ, 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 02 Thông tư của Bộ Nội vụ. Ngoài ra, Ban đã phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng và trình Chính phủ, Bộ trưởng ban hành 07 Nghị định, 02 Thông tư liên tịch quy định, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng.

- Tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng: Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và ban hành các thông tư, quy định, quy chế, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng của các Bộ, ngành, địa phương nhằm thực hiện thống nhất các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong những năm qua thực sự có tác động rất tích cực đến tất cả các mặt của đời sống xã hội. Phong trào thi đua phát triển ngày càng sâu rộng, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tự nguyện tham gia. Thi đua dần trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển trong các lĩnh vực như phát triển kinh tế - xã hội, an ninh trật tự, an toàn xã hội, an sinh xã hội... Công tác khen thưởng tiếp tục được đổi mới, chú trọng khen thưởng đột xuất, chuyên đề; đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng đã tạo cơ hội bình đẳng cho nữ giới và tăng tỷ lệ khen thưởng cho những người lao động, công nhân, nông dân, những người trực tiếp sản xuất, học tập, công tác.

Quy trình xây dựng và ban hành thể chế trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng được đổi mới tích cực, nhanh chóng đi vào đời sống xã hội, đáp ứng kịp thời yêu

cầu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách Nhà nước. Công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hoá và kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật: Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật; định kỳ, báo cáo Bộ Nội vụ kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về thi đua, khen thưởng (tổng số danh mục văn bản còn hiệu lực toàn bộ, văn bản hết hiệu lực một phần, văn bản hết hiệu lực toàn bộ; tổng số văn bản bổ sung, thay thế, bãi bỏ, huỷ bỏ và tổng danh mục cần ban hành mới trong năm tiếp theo).

**** Về cải cách thủ tục hành chính***

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đã nêu rõ: *“Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp. Tiến hành rà soát tất cả thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ những thủ tục, những quy định sai pháp luật, không phù hợp để kiên quyết sửa đổi. Đây là khâu cản trở sự phát triển và gây nhiều bức xúc trong nhân dân; cần tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này”*.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu với Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định công bố 59 thủ tục hành chính trong việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng và các nghị định hướng dẫn thi hành (Quyết định số 1052/QĐ-BNV ngày 10/10/2014); trong đó: có 38 thủ tục hành chính cấp Trung ương, 8 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 8 thủ tục hành chính cấp huyện và 5 thủ tục hành chính cấp xã.

Về kiểm soát thủ tục hành chính, Ban đã thực hiện kiểm soát các thủ tục hành chính mới ban hành và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện đúng quy định về cải cách thủ tục hành chính trong tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình khen thưởng theo các thủ tục hành chính đã được công bố. Đồng thời, xây dựng và ban hành 04 quy trình xử lý tờ trình, công văn đến và đi tại Ban; tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đăng tải công khai các thủ tục hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng trên Cổng Thông tin điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và niêm yết công khai một số thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận văn bản, hồ sơ khen thưởng của cơ quan.

**** Về cải cách tổ chức bộ máy***

Ban đã xây dựng Đề án quy hoạch Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương giai đoạn 2011 - 2020.

Ngày 15/4/2021, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã có Công văn số 2474/BTĐKT-TCCB trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các Vụ, đơn vị thuộc Ban.

Ban đã tham mưu với Bộ trưởng Bộ Nội vụ chỉ đạo cải cách tổ chức bộ máy thuộc hệ thống ngành Thi đua, Khen thưởng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban TĐKT Trung ương; tham mưu thực hiện Nghị quyết của Đảng kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh gọn đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ngành, địa phương.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, Ban đã xây dựng Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2017 - 2025" nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện và định hướng những năm tiếp theo. Đồng thời, ban hành Kế hoạch xây dựng khung Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức biên soạn, nghiệm thu 14 chuyên đề về công tác thi đua, khen thưởng. Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị 34-CT/BCT của Bộ Chính trị, Ban đã phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng 3 chuyên đề về công tác thi đua, khen thưởng để đưa vào giảng dạy trong chương trình Cao cấp lý luận chính trị và Trung cấp lý luận chính trị tại hệ thống các trường chính trị trên toàn quốc. Đến nay, Học viện đã ban hành Khung chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị, trong đó có chuyên đề: Một số nội dung về công tác thi đua khen thưởng.

**** Về cải cách tài chính công***

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan. Ban thực hiện công tác lập kế hoạch, quản lý, sử dụng tài chính đúng quy định; bố trí kinh phí đảm bảo các hoạt động thường xuyên của cơ quan và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương; đồng thời, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn luật, nghị định về thi đua, khen thưởng; quản lý tài chính cơ quan chặt chẽ, giám sát các khoản chi tiêu đảm bảo chi kịp thời, đúng chế độ. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đấu thầu sản xuất hiện vật khen thưởng đúng quy định; cấp phát kịp thời số lượng khen thưởng theo quyết định của Chủ tịch nước, của Thủ tướng Chính phủ.

Hàng năm, Ban thực hiện nghiêm túc công tác tổng hợp và quyết toán ngân sách năm và trình Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm định, phân bổ ngân sách năm tiếp theo của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

**** Hiện đại hóa hành chính***

Ban đã xây dựng, triển khai phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử Ngành thi đua, khen thưởng; phần mềm quản lý văn bản đến, văn bản đi; phần mềm quản lý tài chính, kế toán... tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong

giải quyết công việc; xây dựng 04 quy trình xử lý tờ trình, công văn đến và đi trên hệ thống mạng nội bộ của cơ quan; nâng cấp cơ sở vật chất, triển khai số hóa hồ sơ khen thưởng phục vụ việc lưu trữ, tra cứu, xác nhận thành tích khen thưởng phục vụ nhu cầu của nhân dân; thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đăng tải công khai các thủ tục hành chính về khen thưởng trên Cổng Thông tin điện tử của Ban và niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại bộ phận văn thư, tạo thuận lợi, phục vụ cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng

Với tinh thần đề cao cải cách thủ tục hành chính để đạt hiệu quả công tác, trong năm 2020, Ban đã tiếp nhận 6.916 văn bản đến (có 2.780 tờ trình đề nghị khen thưởng của các bộ, ngành, địa phương); kiểm soát, nhập dữ liệu, phát hành 4.605 văn bản đi (trong đó thụ lý, thẩm định và phát hành 2.685 Tờ trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân); In, mang đi đóng dấu bằng và cấp phát hiện vật cho 8.476 tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Năm 2021, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ 3.391 tờ trình; In, mang đi đóng dấu bằng và cấp phát hiện vật cho 138.790 tập thể, cá nhân được khen thưởng. Năm 2021, dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên Ban đã tập trung thẩm định và trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tham gia công tác phòng, chống dịch hoặc đóng góp, hỗ trợ trong công tác phòng chống dịch bệnh, tổng số 1.464 trường hợp.

Ngày 15/6/2022, Quốc hội đã thông qua Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Ngay khi Luật được ban hành, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ tham mưu với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét, ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật; trong đó quy định cụ thể các thủ tục hành chính theo đúng quan điểm, mục tiêu xây dựng Luật. Với những cải cách rất mạnh mẽ như:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và 02 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xuống chỉ còn 01 bộ (bản chính) được gửi về cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương để thẩm định và lưu trữ; đối với số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định.

- Giảm bớt thành phần trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do người đứng đầu cấp trình khen thưởng phát hiện khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại.

- Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo hướng đơn giản hóa thủ tục do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện thông qua các phong trào thi

đua; khen thưởng đột xuất, khen thưởng công hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước để đảm bảo khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, công trạng rõ ràng và phục vụ nhiệm vụ chính trị đối ngoại.

- Bổ sung quy định “ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng” là một nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng để thể chế hóa chủ trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.

19. THAM LUẬN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGẠCH CÔNG CHỨC, LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP PHÒNG, CẤP HUYỆN, CẤP SỞ, CẤP VỤ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 89/2021/NĐ-CP

Bộ Nội vụ (Học viện Hành chính Quốc gia)

1. Những điểm mới của Nghị định số 89/2021/NĐ-CP

Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đã có những đổi mới quan trọng về đối tượng, hình thức bồi dưỡng và đặc biệt đổi mới trong cách tiếp cận, trong việc xây dựng nội dung các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hướng đến mục tiêu bảo đảm và nâng cao chất lượng bồi dưỡng.

Với cách phân tầng về thời lượng bồi dưỡng đối với công chức theo ngạch công chức: tối đa 04 tuần đối với chuyên viên; tối đa 06 tuần đối với chuyên viên chính; tối đa 08 tuần đối với chuyên viên cao cấp; chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý tối đa 02 tuần đòi hỏi nội dung, chương trình cần được điều chỉnh phù hợp, gắn với chức trách, nhiệm vụ công chức, lãnh đạo, quản lý, phát triển những kỹ năng quan trọng nhất, cần cốt nhất cần thiết đối với cán bộ, công chức ở các ngạch công chức, vị trí lãnh đạo, quản lý.

2. Quá trình xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện sự phân công của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Học viện Hành chính Quốc gia đã tổ chức biên soạn chương trình bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp; chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng, cấp huyện, cấp sở, cấp vụ. Có thể nói, đây là một đợt tổng rà soát các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức. Nhận thức sâu sắc về trách nhiệm được giao, sự mong đợi của Lãnh đạo Bộ Nội vụ, Học viện đã nghiêm túc tổ chức biên soạn chương trình bồi dưỡng.

Để xây dựng chương trình bồi dưỡng thực sự phù hợp, Học viện thông qua ý kiến của học viên đối với các chuyên đề, các chương trình đang áp dụng, tổ chức tọa đàm, hội thảo khoa học. Học viện cũng nghiên cứu một cách kỹ lưỡng các chương trình bồi dưỡng công chức ở một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Qua các hoạt động này, Học viện có thêm cơ sở xác định những nội dung cần phải có, nên có trong chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Quá trình xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức có những điểm mới trong cách tiếp cận:

Thứ nhất, xây dựng chương trình bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực cán bộ, công chức. Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức (chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, chuyên viên cao cấp và tương đương) bám sát tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các ngạch công chức hành chính (được ban hành theo Thông tư số 02/2021/TT- BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp

vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư), trong đó, tập trung hướng đến nhiệm vụ tham mưu, đề xuất.

Chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý (cấp phòng, cấp huyện, cấp sở, cấp vụ) bám sát quy định Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đồng thời tham khảo quy định của các bộ, địa phương về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, địa phương, trong đó, tập trung đến nhiệm vụ quản lý nhân sự, tài chính, ra quyết định, tham mưu cho cấp có thẩm quyền.

Từ chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, từ yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, công chức đã được định hướng trong các nghị quyết của Đảng, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, xác định khung năng lực cần có để thiết kết nội dung bồi dưỡng với mong muốn bổ sung, bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cán bộ, công chức còn thiếu, còn yếu.

Thứ hai, xây dựng chương trình có sự phân tầng kiến thức, hạn chế đến mức thấp nhất sự trùng lặp giữa các chương trình bồi dưỡng. Việc biên soạn đồng thời 07 chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức đã tạo cơ hội để Học viện nghiên cứu, rà soát toàn bộ hệ thống chương trình, xác định rõ từng nhóm đối tượng cán bộ, công chức cần được những kiến thức, kỹ năng căn cốt, trọng yếu nào.

Thứ ba, quá trình xây dựng chương trình huy động sự tham gia của các nhà quản lý, chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài Học viện, đặc biệt tham khảo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Nội vụ, các đơn vị chức năng của Bộ Nội vụ. Điều này giúp có cách tiếp cận toàn diện trong xác định nội dung chương trình bồi dưỡng mà không chỉ là từ cảm nhận, đánh giá của bản thân giảng viên Học viện.

Chương trình bồi dưỡng ngạch công chức, lãnh đạo, quản lý cấp phòng, cấp huyện, cấp sở, cấp vụ được biên soạn tập trung vào các khía cạnh nội dung:

- Chương trình bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương: trang bị, cập nhật những kiến thức, kỹ năng nền tảng, phù hợp với tính chất, vị trí công chức ngạch chuyên viên.

- Chương trình bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương: củng cố, cập nhật những kiến thức, kỹ năng phù hợp với tính chất, vị trí công chức ngạch chuyên viên chính,

- Chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: bổ sung và nâng cao kiến thức, kỹ năng ở tầm vĩ mô, phù hợp với tính chất, vị trí công chức ngạch chuyên viên cao cấp.

Chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý được tiếp cận gắn với yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý ở hai vai trò: người đứng đầu một đơn vị và chủ thể tham mưu với lãnh đạo cơ quan, tổ chức. Việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hai vai trò này. Tuy nhiên, nội dung bồi dưỡng có sự kết hợp để

cán bộ, công chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao: trong lãnh đạo đơn vị gắn với tham mưu, trong tham mưu gắn chặt với tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Các chương trình được xây dựng cũng tiếp cận theo hướng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở từng vị trí làm công việc, cần có năng lực gì để tạo ra sự khu biệt các nội dung bồi dưỡng.

- Chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng cung cấp kiến thức, kỹ năng phù hợp với lãnh đạo, quản lý của đơn vị cấu thành nhỏ nhất trong cơ quan nhà nước.

- Chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp huyện cung cấp kiến thức, kỹ năng phù hợp với lãnh đạo, quản lý cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung ở cấp huyện.

- Chương trình bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở cung cấp kiến thức, kỹ năng phù hợp với lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ cung cấp kiến thức, kỹ năng phù hợp với lãnh đạo, quản lý của đơn vị chức năng thuộc bộ.

3. Một số kiến nghị, đề xuất

Để chương trình bồi dưỡng ngạch công chức, lãnh đạo, quản lý mới được ban hành được thực hiện tốt, Học viện Hành chính Quốc gia kính đề nghị Bộ Nội vụ:

Một là, chỉ đạo về việc tập huấn, giảng dạy chương trình bồi dưỡng mới nhằm đảm bảo thống nhất trong tổ chức thực hiện các mục tiêu của các chương trình bồi dưỡng.

Hai là, tổ chức kiểm định chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm nâng cao năng lực bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong cả nước.

Ba là, rà soát, sửa đổi Thông tư số 01/2018/TT-BNV hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Bốn là, làm việc với Bộ Tài chính để sửa đổi Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để phù hợp hơn với Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

20. THAM LUẬN “TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI, QUỸ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY”

Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)

1. Khái quát công tác quản lý hội, quỹ

1.1 Tổ chức, hoạt động của hội, quỹ

a) Về tình tổ chức, hoạt động của hội

- Tính đến tháng 12/2021 cả nước có 93.425 hội gồm 571 hội (trong đó có 28 hội có tính chất đặc thù) hoạt động phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh và 92.854 hội hoạt động phạm vi địa phương (trong đó có 28.940 hội có tính chất đặc thù). Các hội hoạt động phạm vi cả nước hoặc liên tỉnh do Bộ Nội vụ quản lý; các hội hoạt động địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.

- Đánh giá chung: về cơ bản, mô hình tổ chức, hoạt động của các hội phù hợp với quy mô, tính chất, vai trò của từng hội; một số hội đã được xác định là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và được thành lập đảng đoàn. Nhiều hội đã phát huy tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên, có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Các hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thu hút, tập hợp được đông đảo hội viên tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; các hội đã thể hiện vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, phản ánh các nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước về nội dung liên quan đến hoạt động của hội. Các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã phát huy tốt vai trò, có nhiều đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhiều hội đã phát huy vai trò vận động đông đảo hội viên tham gia và triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả trong công tác phòng, chống đại dịch covid -19.

- Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, về tổ chức, hoạt động của các hội còn hạn chế sau: còn có hội chưa thực hiện được vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, chưa đại diện thực sự cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, chưa gắn hoạt động của hội với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Một số hội hoạt động còn mang nặng tính hình thức; chưa phát huy tính tự chủ, hoạt động kém hiệu quả, chưa quản lý tốt các pháp nhân trực thuộc, đặc biệt là các viện nghiên cứu, tạp chí thuộc hội; có xu hướng hành chính hóa hoạt động hội, còn tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ hội, đặc biệt là mâu thuẫn cá nhân, dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, không tự giải quyết được. Một số hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ không đúng quy định của điều lệ, cá biệt có hội không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Về tình hình tổ chức, hoạt động của quỹ

- Tính đến tháng 12/2021 cả nước có tổng số 2.950 quỹ bao gồm 85 quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh và 2.865 quỹ hoạt động trong phạm vi địa phương.

- Đánh giá chung: Cơ bản các quỹ đã tổ chức, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ quỹ; tích cực hoạt động nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của quỹ theo quy định; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tài chính, kế toán, công khai mọi khoản thu, chi, đóng góp của quỹ; thực hiện các quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật. Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học và phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; triển khai các hoạt động từ thiện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho các đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào bị thiên tai, bão lụt, góp phần động viên, khuyến khích họ vươn lên trong cuộc sống, hòa nhập cộng đồng. Nhiều quỹ đã tích cực tham gia vận động các nguồn lực ủng hộ cho công tác phòng chống đại dịch Covid -19.

- Tuy nhiên hoạt động của một số quỹ còn hạn chế, tồn tại như: việc tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực tham gia ủng hộ, hỗ trợ xây dựng nguồn tài chính của các tổ chức quỹ còn nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, hiệu quả chưa cao. Các quỹ còn chưa ban hành đầy đủ các quy chế, quy định trong nội bộ quỹ, còn có quỹ chưa thực hiện nghiêm việc báo cáo định kỳ về tổ chức, hoạt động, tài chính với cơ quan quản lý nhà nước; hoạt động còn vi phạm điều lệ; chưa đăng ký mã số thuế, kê khai thuế theo quy định pháp luật; có quỹ hoạt động chưa đảm bảo sự công khai, minh bạch về tài chính trong quá trình vận động, tiếp nhận tài trợ; có quỹ mâu thuẫn trong nội bộ, cá biệt còn lợi dụng tổ chức, hoạt động của quỹ nhằm mục đích có tính chất tư lợi.

1.2. Khái quát công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ

a) Kết quả đạt được

- Trong thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã kịp thời đề ra các chủ trương và ban hành các văn bản nhằm đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ, tạo điều kiện cho các hội, quỹ hoạt động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, pháp luật cho hội, quỹ và tầng lớp Nhân dân, hội viên, quần chúng biết và thực hiện; đã quan tâm, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất, tài chính cho các hội tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho các hội, quỹ phát huy tinh thần chủ động, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được nguyện vọng ngày càng đa dạng, phong phú của Nhân dân.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ được tăng cường nhằm bảo đảm các hội, quỹ thành lập đúng quy định, hoạt động theo điều lệ phải được phê duyệt, chủ động hướng dẫn hoạt động hội, quỹ đi vào nề nếp, đúng hướng. Các cơ quan nhà nước đã phối hợp và hướng dẫn các hội, quỹ hoạt động đúng pháp luật, điều lệ được phê duyệt. Bộ Nội vụ, UBND cấp tỉnh đã tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ. Công tác thanh tra, kiểm tra đã có tác dụng nhắc nhở hội, quỹ hoạt động đúng Điều lệ, đúng hướng và theo quy định của pháp luật.

Một số Bộ, ngành đã tích cực định hướng, tạo điều kiện hỗ trợ hội, quỹ hoạt động, tham gia cung ứng dịch vụ công; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học,

tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về hội, quỹ; tiếp thu ý kiến đóng góp của các hội, quỹ về lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

b) Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ còn một số hạn chế sau:

- Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng còn chưa kịp thời; Sau 12 năm thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội đến nay đã phát sinh nhiều bất cập về cơ chế, chính sách đối với các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; còn thiếu các chế tài xử lý khi các hội vi phạm pháp luật và điều lệ trong quá trình hoạt động; chưa có quy định đình chỉ hoạt động của hội và về thu hồi con dấu khi hội có mâu thuẫn nội bộ và vi phạm pháp luật; thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, ngành đối với tổ chức, hoạt động của các hội còn chưa rõ ràng, hiệu quả phối hợp chưa cao.

- Qua hơn 02 năm thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã thấy một số quy định còn chưa đồng bộ: khoản 3 Điều 29 của Luật kế toán năm 2015 quy định thời hạn nộp báo cáo tài chính của năm trước là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đảm bảo số liệu tài chính được ghi nhận đến thời điểm kết thúc năm tài chính (31/3); trong khi đó điểm i khoản 2 Điều 8 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP quy định hàng năm, quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính trước ngày 31/12. Hiện nay, có xu hướng gia tăng đề nghị thành lập các quỹ lấy tên là tên riêng của cá nhân, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi, tuy nhiên Nghị định số 93/2019/NĐ-CP chưa quy định về vấn đề này. Chưa có quy định cụ thể việc quỹ thực hiện kiểm toán độc lập về tài chính, tài sản của quỹ khi hội đồng quản lý quỹ hết nhiệm kỳ để đảm bảo hoạt động công khai, minh bạch. Do đó, cần sơ kết đánh giá thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để có cơ sở đề xuất sửa đổi quy định pháp luật cho phù hợp.

- Còn có địa phương còn chưa thực hiện thường xuyên và định kỳ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật và điều lệ của hội, quỹ.

2. Giải pháp tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của hội, quỹ trong tình hình hiện nay

(1) Về bối cảnh nước ta hiện nay: tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, ổn định và phát triển. Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố. Tuy nhiên, nước ta đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Đại dịch covid-19 đã gây tác động đến kinh tế - xã hội của nước ta, cần tiếp tục đoàn kết, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Quyền dân chủ ngày càng được phát huy, quyền con người và quyền công dân được Hiến pháp 2013 ghi nhận và bảo đảm thực hiện, nhu cầu thành lập hội, quỹ trong thời gian vừa qua và sắp tới ngày càng gia tăng. Mặt khác, hoạt động của một số hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã bộc lộ không ít yếu tố phức tạp, nhạy cảm liên quan đến an ninh chính trị, rửa tiền, tài trợ khủng bố, còn có thể lực thù địch thông qua việc tài trợ cho hội, quỹ để có hoạt động nhằm mục đích ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội của

nước ta. Do đó cần thiết tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của hội, quỹ trong giai đoạn hiện nay.

(2) Để tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của hội, quỹ trong tình hình hiện nay cần triển khai nhiệm vụ và giải pháp sau:

a) Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Nghiêm túc quán triệt thực hiện chủ trương của Đảng về hội, quỹ ngăn ngừa dấu hiệu “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong tổ chức, hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Kịp thời thể chế hóa chủ trương về hội quần chúng, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về hội giải quyết các vướng mắc và đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện:

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vị trí, vai trò, bản chất, đặc điểm, tính chất của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện: khẩn trương tham mưu ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; rà soát việc thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP tham mưu sửa đổi một số quy định pháp luật phát sinh khó khăn, vướng mắc.

- Thường xuyên, định kỳ tổng kết công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, qua đó kịp thời phát hiện những mặt đã làm được và những hạn chế, khó khăn để có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước cũng như tổ chức, hoạt động của các hội, quỹ;

- Tăng cường quản lý hoạt động sau cấp phép đối với các hội, quỹ; chú trọng quản lý, giám sát chặt chẽ tài chính hội, quỹ theo đúng quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn các hoạt động rửa tiền, trốn thuế, nắm bắt được tình hình hoạt động, quan hệ với các nguồn tài trợ, ngăn chặn sự lợi dụng, can thiệp, chi phối của các thế lực thù địch, khủng bố, lợi dụng tài trợ để tác động, nhằm mục đích xâm hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn của xã hội của nước ta;

- Tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội, quỹ; xử lý vi phạm (nếu có);

- Đẩy mạnh việc phân cấp thực hiện các thủ tục về hội, quỹ trong phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền theo quy định. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

- Xem xét, khen thưởng các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có những đóng góp tích cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhằm động viên, khích lệ, biểu dương những hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có những đóng góp tích cực;

c) Đối với hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện

- Tiếp tục tổ chức, hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ đã được công nhận. Đổi mới phương thức hoạt động, kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả; rà soát, bổ sung các quy chế hoạt động trong nội bộ hội,

quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ, đảm bảo công khai, minh bạch. Đối với các quỹ chưa thực hiện kiện toàn, đề nghị rà soát, kiện toàn theo quy định. Đối với các hội đến thời gian tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đề nghị gửi hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, quản lý các pháp nhân trực thuộc (trong đó có viện, tạp chí), không để mâu thuẫn trong nội bộ phức tạp, kéo dài.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ chống khủng bố theo quy định; nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập và tổ chức, hoạt động của hội, quỹ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của hội, quỹ do cơ quan quản lý tổ chức. Thường xuyên cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định trên website của Bộ Nội vụ tại đường link: <http://csdlhoiquy.moha.gov.vn> để nắm bắt thông tin và có phối hợp, hướng dẫn kịp thời./.